



Ký bởi: \*.phuyen.gov.vn

Ngày ký: 14/09/2023 14:42:51 +0700

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



# CÔNG BÁO

Tỉnh Phú Yên

Số 17 + 18 + 19

Ngày 13 tháng 09 năm 2023

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

12/07/2023	Quyết định số 40 /2023/QĐ-UBND Ban hành Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn ...	4
24/07/2023	Quyết định số 42/2023/QĐ-UBND Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, giám sát thi công công trình theo cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp thuộc các Chương trình mục tiêu ...	13
25/07/2023	Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND Ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành	16
27/07/2023	Quyết định số 44/2023/QĐ-UBND Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên	25
10/08/2023	Quyết định số 45 /2023/QĐ-UBND Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên	39
10/08/2023	Quyết định số 46 /2023/QĐ-UBND Ban hành Quy định về xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm	52

dịch vụ công thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Yên

07/09/2023 Quyết định số 47 /2023/QĐ-UBND Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên 59

## **VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

04/08/2023 Quyết định số 1009/QĐ-UBND Về việc bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiêu chuẩn máy móc, thiết bị chuyên dùng đã được ban hành 67

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

13/07/2023 Quyết định số 884 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước, Kinh doanh khí, An toàn thực phẩm và hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương 69

13/07/2023 Quyết định số 895/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quỹ xã hội, quỹ từ thiện thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện 84

14/07/2023 Quyết định số 905 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải 97

17/07/2023 Quyết định số 909 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên 100

17/07/2023 Quyết định số 912/QĐ-UBND về việc Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 104

02/08/2023 Quyết định số 988 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch 109

21/08/2023	Quyết định số 1099 /QĐ-UBND Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp	121
21/08/2023	Quyết định số 1103 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuyển giao cho doanh nghiệp bưu chính công ích đảm nhiệm	127
30/08/2023	Quyết định số 1144 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, Giám định tư pháp xây dựng, Nhà ở thuộc phạm ..... .....	158
11/09/2023	Quyết định số 1185 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Trang thiết bị và công trình y tế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế	174
11/09/2023	Quyết định số 1192 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ, lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân .... .....	177
12/09/2023	Quyết định số 1202 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ Phú Yên	199

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40 /2023/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 12 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1642/TTr-STC ngày 20 tháng 6 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2023.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Tấn Hồ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên**  
*(Kèm theo Quyết định số: 40 /2023/QĐ-UBND ngày 12 /7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong giao vốn, quản lý, sử dụng nguồn vốn sự nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia để tổ chức thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

#### **Điều 3. Nguyên tắc thực hiện**

1. Việc quay vòng một phần vốn ngân sách Nhà nước đã hỗ trợ (dưới dạng tiền mặt hoặc hiện vật) để luân chuyển trên địa bàn thực hiện dự án phải đảm bảo phù hợp với từng dự án được phê duyệt, phù hợp với đặc trưng của từng địa phương và điều kiện cụ thể của từng hộ gia đình hoặc nhóm cộng đồng dân cư tham gia dự án tại địa phương. Trường hợp trong quá trình triển khai thực hiện dự án gặp phải thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn hoặc người dân tham gia dự án bị chết đột ngột nên mất khả năng chi trả lại nguồn vốn và các nguyên nhân bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật dẫn đến việc triển khai dự án không có kết quả đầu ra theo kế hoạch thì người có thẩm quyền phê duyệt dự án phải xem xét, quyết định việc dừng, tạm dừng, hủy bỏ dự án hoặc thu hẹp phạm vi của dự án, đồng thời kịp thời tạm dừng quay vòng vốn để xử lý và tổ chức thu hồi vốn hỗ trợ theo thẩm quyền.

2. Đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng dân cư. Việc quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật quay vòng phải đảm bảo công khai, minh bạch, đúng trình tự, tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định này.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 4. Hình thức, tỷ lệ mức vốn thu hồi và thời gian thu hồi vốn bằng tiền hoặc hiện vật**

1. Hình thức thu hồi để quay vòng: Bằng tiền hoặc hiện vật.  
2. Tỷ lệ thu hồi vốn ngân sách Nhà nước đã hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật thực hiện dự án.

a) Tỷ lệ thu hồi vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng đối với dự án thực hiện trên địa bàn đặc biệt khó khăn: 05%/vốn ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho dự án.

b) Tỷ lệ thu hồi vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật trong cộng đồng đối với dự án thực hiện trên địa bàn khó khăn: 10%/vốn ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho dự án.

c) Tỷ lệ thu hồi vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật trong cộng đồng đối với dự án thực hiện trên địa bàn còn lại: 15%/vốn ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho dự án.

3. Mức vốn thu hồi và thời gian thu hồi

a) Mức vốn thu hồi: Căn cứ tỷ lệ thu hồi vốn quy định tại khoản 2 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định số vốn phải thu hồi trong quyết định phê duyệt dự án.

b) Thời gian thu hồi: Tối đa không quá 03 tháng kể từ khi dự án kết thúc.

#### **Điều 5. Xử lý các trường hợp rủi ro trong quá trình triển khai dự án**

Trường hợp trong quá trình triển khai dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng buộc phải tạm dừng, hủy bỏ hoặc triển khai không có hiệu quả do các nguyên nhân đã nêu tại khoản 1 Điều 3 của Quy định này nhưng không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong điều kiện và khả năng cho phép, dẫn đến dự án không có kết quả đầu ra theo kế hoạch thì xử lý như sau:

1. Khi rủi ro xảy ra, thành viên hộ gia đình tham gia dự án phải báo ngay với Tổ trưởng Tổ hợp tác hoặc người đại diện của cộng đồng dân cư để thông báo với cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng.

2. Ngay khi tiếp nhận được thông tin vụ việc, cơ quan, đơn vị được giao dự toán chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện cộng đồng dân cư và đại diện của hộ dân tham gia dự án tiến hành lập biên bản tại chỗ để xác nhận về việc có xảy ra thiệt hại trên địa bàn. Biên bản phải xác định được nguyên nhân (khách quan, chủ quan), trách nhiệm của các bên có liên quan và tổ chức bán tận thu sản phẩm thuộc dự án, phương án sản xuất thuộc quyết định phê duyệt nếu nhận thấy sản phẩm này không xử lý ngay sẽ không thu hồi được vốn sau khi Tổ thẩm định tiến hành xác định và đánh giá mức độ thiệt hại. Sau khi lập biên bản, cơ quan, đơn vị được giao dự toán phải báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành thành lập Tổ thẩm định, thành phần bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất của cộng đồng; lãnh đạo phòng, ban chuyên môn có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân khác tùy theo dự án, phương án sản xuất của cộng đồng. Tổ thẩm định tiến hành xác định và đánh giá về mức độ thiệt hại cụ thể để báo cáo Chủ tịch

Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chỉnh tỷ lệ thu hồi vốn quay vòng, cũng như gia hạn thời gian thu hồi vốn theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Việc xác định tỷ lệ thu hồi vốn quay vòng và gia hạn thời gian thu hồi vốn quay vòng (kể từ khi kết thúc thời gian thu hồi theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Quy định này) được căn cứ theo tỷ lệ thiệt hại so với hiệu quả, kết quả đầu ra theo quyết định phê duyệt dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng, cụ thể:

a) Thiệt hại dưới 20%: Thời gian gia hạn thu hồi vốn quay vòng tối đa 04 tháng. Tỷ lệ thu hồi vốn quay vòng bằng 90% tỷ lệ được quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy định này.

b) Thiệt hại từ 20% đến dưới 40%: Thời gian gia hạn thu hồi vốn quay vòng tối đa 06 tháng. Tỷ lệ thu hồi vốn quay vòng bằng 70% tỷ lệ được quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy định này.

c) Thiệt hại từ 40% đến dưới 60%: Thời gian gia hạn thu hồi vốn quay vòng tối đa 09 tháng. Tỷ lệ thu hồi vốn quay vòng bằng 50% tỷ lệ được quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy định này.

d) Thiệt hại từ 60% đến dưới 80%: Thời gian gia hạn thu hồi vốn quay vòng tối đa 12 tháng. Tỷ lệ thu hồi vốn quay vòng bằng 30% tỷ lệ được quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy định này.

đ) Thiệt hại từ 80% trở lên: Không thực hiện thu hồi vốn quay vòng.

4. Trong trường hợp đã hết thời gian gia hạn thu hồi vốn quay vòng theo khoản 3 Điều này nhưng vẫn không thể thực hiện thu hồi:

a) Đối với trường hợp hộ dân tham gia dự án mà lao động chính trong hộ bị chết đột ngột và hộ đó thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo không có khả năng chi trả lại nguồn vốn thì Tổ thẩm định quy định tại khoản 2 Điều này tiến hành kiểm tra, xác minh và lập biên bản xác nhận; đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định không thực hiện thu hồi vốn quay vòng.

b) Trường hợp không thể thực hiện thu hồi vốn do các nguyên nhân không được nêu tại Khoản 1 Điều 3 của Quy định này thì Tổ thẩm định quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục người dân thực hiện chi trả lại vốn quay vòng trong thời gian 01 tháng.

Nếu hết thời hạn 01 tháng mà người dân vẫn không tự giác chấp hành nghĩa vụ trả lại vốn quay vòng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định đưa người dân này ra khỏi danh sách các hộ dân được hỗ trợ hoặc hưởng lợi từ các chính sách có liên quan của Nhà nước trên địa bàn.

5. Trường hợp người dân đang tham gia dự án nhưng không còn nhu cầu hoặc khả năng để tiếp tục thực hiện dự án hoặc thực hiện không đúng cam kết ban đầu thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào điều kiện thực tế để xem xét, yêu cầu người dân này hoàn trả lại số tiền hoặc hiện vật đã được hỗ trợ ban đầu để điều chuyển sang cho người dân khác có nhu cầu và đủ điều kiện để tham gia dự án.

## **Điều 6. Trình tự luân chuyển**

### **1. Quay vòng vốn**



Hộ gia đình tham gia dự án có trách nhiệm nộp tiền hoặc hiện vật theo tỷ lệ quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này cho đại diện cộng đồng dân cư để cộng đồng dân cư tiến hành các bước bình xét và luân chuyển.

a) Trường hợp quay vòng bằng tiền: Sau khi thu hồi từ các đối tượng được hỗ trợ, đại diện cộng đồng dân cư nộp vào tài khoản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Quy định này.

b) Trường hợp quay vòng bằng hiện vật: Tùy theo hiện vật được quay vòng, cộng đồng dân cư giao cho các hộ tự nuôi dưỡng, bảo quản cho đến khi tiến hành luân chuyển cho các đối tượng khác.

## 2. Tổ chức bình xét danh sách hộ được luân chuyển

a) Thành phần cuộc họp: Đại diện cộng đồng dân cư chủ trì cuộc họp, có sự tham gia của đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; trưởng thôn, buôn hoặc khu phố và các đối tượng đăng ký tham gia dự án, phương án (có ít nhất 2/3 số đối tượng đăng ký tham gia dự án, phương án có mặt).

b) Cách thức tiến hành: Cuộc họp căn cứ các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất của hộ đăng ký tham gia dự án, phương án đáp ứng được nội dung của dự án, phương án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án, phương án (các yêu cầu này do cộng đồng dân cư lựa chọn), tiến hành thảo luận để lựa chọn đối tượng được luân chuyển trong số các đối tượng đăng ký tham gia dự án, phương án.

Căn cứ nội dung cuộc họp, cộng đồng dân cư tiến hành lập biên bản họp cộng đồng dân cư và danh sách đối tượng được lựa chọn báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để đề xuất cơ quan, đơn vị chủ trì nhiệm vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện luân chuyển vốn tham gia dự án, phương án sản xuất.

## 3. Luân chuyển

Tiền và hiện vật quay vòng luân chuyển cho đối tượng tham gia dự án không vượt quá định mức hỗ trợ tối đa do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với thu hồi bằng tiền mặt, cơ quan, đơn vị chủ trì nhiệm vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ biên bản họp cộng đồng dân cư và danh sách đối tượng luân chuyển đã phê duyệt, tiến hành luân chuyển khoản tiền thu hồi tại khoản 2 Điều 4 Quy định này cho đối tượng tham gia dự án.

Đối với thu hồi bằng hiện vật, cộng đồng dân cư căn cứ biên bản họp cộng đồng dân cư và danh sách đối tượng luân chuyển đã phê duyệt, trực tiếp luân chuyển hiện vật thu hồi tại khoản 2 Điều 4 Quy định này cho đối tượng tham gia dự án. Trường hợp đối tượng được lựa chọn luân chuyển không có nhu cầu sử dụng hiện vật quay vòng thì cơ quan, đơn vị chủ trì nhiệm vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện bán thu tiền nộp vào tài khoản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Quy định này.

## **Điều 7. Thẩm quyền thu hồi và quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật thu hồi**

### 1. Thẩm quyền thu hồi vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật:

Dự án kết thúc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định thu hồi số vốn ngân sách Nhà nước đã hỗ trợ theo tỷ lệ quy định tại Quy định này,

làm cơ sở để các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thu hồi số vốn ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo quy định.

## 2. Quản lý, sử dụng vốn thu hồi

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan, đơn vị chủ trì nhiệm vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước để quản lý nguồn kinh phí thu hồi bằng tiền đã hỗ trợ thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn, cụ thể:

Tên tài khoản: Quỹ quay vòng vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật phát triển sản xuất cộng đồng.

Chủ tài khoản: Lãnh đạo cơ quan, đơn vị chủ trì nhiệm vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Nơi mở tài khoản: Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

Đối với trường hợp quay vòng bằng hiện vật thì thực hiện luân chuyển, quay vòng hiện vật để hỗ trợ cho các hộ gia đình tham gia dự án. Trường hợp không còn nhu cầu sử dụng hiện vật quay vòng thì cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ quyết định bán thu tiền nộp vào tài khoản tiền gửi của cơ quan, đơn vị để sử dụng quay vòng cho các hộ theo mục tiêu của dự án.

b) Tiền hoặc hiện vật thu hồi được sử dụng để quay vòng cho các dự án mới được phê duyệt để hỗ trợ thực hiện các dự án, phương án sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

c) Hàng năm căn cứ dự toán nguồn ngân sách Nhà nước giao thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 và nguồn quỹ quay vòng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, Ủy ban nhân dân cấp huyện giao các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan xây dựng phương án phân bổ vốn, giao dự toán ngân sách Nhà nước cho các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định.

## **Điều 8. Quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo nội dung của dự án được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt đến cộng đồng dân cư thực hiện dự án, bao gồm số kinh phí, hiện vật thu hồi, thời gian thu hồi để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

2. Cộng đồng dân cư triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án đảm bảo tiến độ và hiệu quả; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án định kỳ hàng tháng, sơ kết năm và tổng kết dự án, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đại diện tổ nhóm cộng đồng; hướng dẫn, giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án, phương án sản xuất theo tiến độ thực hiện được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, đánh giá việc thực hiện dự án trên địa bàn; kịp thời kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện các nội dung vướng mắc liên quan.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn cấp xã có trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện dự án của cộng đồng dân cư, kịp thời thông tin, kiến nghị với Ủy ban nhân dân cấp xã những tồn tại, vướng mắc trong tổ chức thực hiện của cộng đồng dân cư.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 9. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành**

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao:

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện quy định này và tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện quay vòng, luân chuyển vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi, tổng hợp báo cáo theo định kỳ 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

2. Các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện đúng theo nội dung yêu cầu Quy định này.

##### **Điều 10. Trách nhiệm của các địa phương**

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Căn cứ dự toán Ủy ban nhân dân tỉnh giao, chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trong cộng đồng theo quy định;

b) Thành lập Tổ thẩm định và tổ chức thẩm định nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo quy định của pháp luật và Quy định này. Căn cứ ý kiến thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất;

c) Chỉ đạo tổ chức thực hiện và kiểm tra các hoạt động quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng của từng dự án trên địa bàn huyện theo quy định;

d) Hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ của chủ đầu tư;

đ) Tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất kết quả thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện; kết quả hoạt động quay vòng một phần vốn ngân sách Nhà nước đã hỗ trợ (dưới dạng tiền mặt hoặc hiện vật) để luân chuyển trong cộng đồng.

e) Đề nghị hộ gia đình tham gia dự án nộp số vốn thu hồi theo quy định.

2. UBND cấp xã và cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí thực hiện

a) Ủy ban nhân dân cấp xã khảo sát, lập, thẩm định, trình phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án phải phù hợp nội dung Quy định này;

b) Đơn đốc, đề nghị các hộ gia đình tham gia dự án tổ chức thực hiện việc nộp số tiền thu hồi, quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng đảm bảo tỷ lệ, đúng thời hạn theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Phối hợp, hỗ trợ thực hiện hoạt động giám sát theo quy định;

d) UBND cấp xã theo dõi, đánh giá, tổng hợp báo cáo việc thực hiện dự án trên địa bàn; kịp thời kiến nghị UBND cấp huyện các nội dung vướng mắc có liên quan.

### 3. Đối với cộng đồng dân cư tham gia dự án

Thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng theo đúng quy định hiện hành. Định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án 6 tháng, hàng năm và tổng kết, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trường hợp cộng đồng dân cư tại một số địa phương ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số không đủ năng lực để thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng hay tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án thì UBND cấp xã có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Quy định này.

### **Điều 11. Điều khoản thi hành**

1. Các nội dung không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này khi có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức kịp thời phản ánh về Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2023/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 24 tháng 7 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án,  
giám sát thi công công trình theo cơ chế đặc thù trong tổ chức  
thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp  
thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng  
6 năm 2020;  
Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính  
phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;  
Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính  
phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;  
Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính  
phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;  
Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính  
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng  
4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương  
trình mục tiêu quốc gia;  
Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ  
trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư  
xây dựng;  
Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ  
trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;  
Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí  
thẩm định dự án đầu tư xây dựng;  
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng (tại Tờ trình số 39/TTr-SXD ngày  
16/6/2023 và Báo cáo số 209/BC-SXD ngày 30/6/2023).*

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về nội dung, phương pháp xác định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư; chi phí hỗ trợ quản lý dự án và giám sát thi công công trình theo cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án và giám sát thi công công trình theo cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

**Điều 3. Nội dung, phương pháp xác định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư**

1. Nội dung chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, gồm:

- a) Chi phí khảo sát xây dựng (nếu có);
- b) Chi phí lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản do Ban Quản lý xã thực hiện hoặc do Ban phát triển thôn thực hiện khi được Ủy ban nhân dân cấp xã giao;
- c) Phí thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản cho Tổ thẩm định do Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập hoặc của cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao thực hiện việc thẩm định theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Phương pháp xác định

a) Chi phí khảo sát xây dựng (nếu có) phục vụ lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được xác định bằng cách lập dự toán theo hướng dẫn tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

b) Chi phí lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) theo Bảng 1 nhân với chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Bảng 1: Định mức chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

STT	Loại công trình	Định mức
1	Công trình dân dụng	0,946
2	Công trình giao thông	0,444
3	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	0,803

c) Phí thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được xác định theo phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng quy định tại Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

**Điều 4. Chi phí hỗ trợ quản lý dự án và giám sát thi công công trình**

1. Chi phí hỗ trợ quản lý dự án và giám sát thi công gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện các công việc: Tổ chức lựa chọn nhà thầu; quản lý hợp đồng; quản lý khối lượng, chất lượng, chi phí đầu tư xây dựng, tiến độ, an toàn lao động; giám sát thi công xây dựng, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình.

2. Chi phí hỗ trợ quản lý dự án và giám sát thi công công trình được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) theo Bảng 2 nhân với chi phí xây dựng và thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Bảng 2: Định mức chi phí hỗ trợ quản lý dự án và giám sát thi công công trình

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

STT	Loại công trình	Định mức
1	Công trình dân dụng	2,757
2	Công trình giao thông	2,419
3	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	2,610

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì, tổ chức triển khai thực hiện, kịp thời theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quyết định này nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ảnh kịp thời về Sở Xây dựng để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

#### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 7 năm 2023.

2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định của văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Tấn Hồ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 43/2023/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 25 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế thành lập, tổ chức  
và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 144/2005/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ quy định về công tác phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong việc xây dựng và kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 382/TTr-SNV ngày 04 tháng 7 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 8 năm 2023 và thay thế Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành.



**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Tạ Anh Tuấn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành**  
(Kèm theo Quyết định số :43/2023/QĐ-UBND ngày tháng năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

#### **Điều 3. Hình thức tổ chức**

Tổ chức phối hợp liên ngành được tổ chức dưới các hình thức: Hội đồng, Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý hoặc các Tổ, Đội, Đoàn kiểm tra, Đoàn công tác liên ngành và các tổ chức khác theo quy định.

#### **Điều 4. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn**

1. Nghiên cứu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phương hướng, giải pháp để giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành.

2. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai, thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các tổ chức phối hợp liên ngành của Trung ương.

3. Đôn đốc các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc thực hiện những nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ phối hợp liên ngành.

#### **Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động**

1. Việc thành lập; cơ cấu tổ chức; tổ chức lại và giải thể đối với tổ chức phối hợp liên ngành được thực hiện theo quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Tổ chức phối hợp liên ngành không thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

3. Tổ chức phối hợp liên ngành không có con dấu và tài khoản riêng, trừ trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức phối hợp liên ngành không có bộ máy, biên chế chuyên trách mà sử dụng bộ máy biên chế kiêm nhiệm; trừ trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

5. Nội dung hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành phải liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức cử thành viên tham gia tổ chức phối hợp liên ngành; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức phối hợp liên ngành, cơ quan thường trực tổ chức phối hợp liên ngành, cơ quan cử thành viên tham gia tổ chức phối hợp liên ngành và cán bộ, công chức, viên chức tham gia tổ chức phối hợp liên ngành.

#### **Điều 6. Điều kiện thành lập**

Tổ chức phối hợp liên ngành được thành lập theo quy định của pháp luật; văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương; ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và yêu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành của ngành, địa phương.

#### **Điều 7. Thành phần**

1. Tổ chức phối hợp liên ngành do lãnh đạo Ủy ban nhân dân đứng đầu, gồm:

a) Cấp phó là Thủ trưởng cơ quan được giao làm nhiệm vụ thường trực tổ chức phối hợp liên ngành;

b) Ủy viên là đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương, đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với tổ chức phối hợp liên ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh); đại diện lãnh đạo các phòng, ban và tương đương (đối với tổ chức phối hợp liên ngành thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện).

c) Các trường hợp khác được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định (trên cơ sở của cơ quan đề xuất thành lập tổ chức phối hợp liên ngành).

2. Tổ chức phối hợp liên ngành do lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương; lãnh đạo các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương đứng đầu, gồm:

a) Một hoặc một số cấp phó, trong đó có một cấp phó của cơ quan hoặc các trưởng, phòng, ban, đơn vị có liên quan được giao làm nhiệm vụ thường trực tổ chức phối hợp liên ngành;

b) Ủy viên là đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Trong trường hợp cần thiết, tổ chức phối hợp liên ngành có thể thành lập tổ chuyên viên giúp việc; thành viên của tổ chuyên viên giúp việc do cơ quan thường trực trình người đứng đầu tổ chức phối hợp liên ngành quyết định.

## **Chương II**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ TỔ CHỨC PHỐI HỢP LIÊN NGÀNH**

#### **Điều 8. Trình tự, hồ sơ thành lập tổ chức phối hợp liên ngành**

1. Căn cứ quy định tại Điều 6 Quy chế này, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan về nhân sự tham gia tổ chức phối hợp liên ngành, phương án thành lập, dự thảo quyết định thành lập, quy chế hoạt động để đề xuất Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định việc thành lập tổ chức phối hợp liên ngành.

2. Hồ sơ thành lập tổ chức phối hợp liên ngành gồm:

a) Tờ trình về việc thành lập tổ chức phối hợp liên ngành, trong đó nêu rõ sự cần thiết, cơ sở pháp lý, thành phần tham gia, nhiệm vụ và thời hạn hoạt động;

b) Dự thảo Quyết định thành lập;

c) Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động (nếu có);

d) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức có liên quan (về cử nhân sự tham gia, về ý kiến góp ý khác);

đ) Văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền có liên quan đến việc thành lập tổ chức phối hợp liên ngành.

#### **Điều 9. Thẩm định hồ sơ thành lập tổ chức phối hợp liên ngành**

1. Đối với các tổ chức phối hợp liên ngành đã được pháp luật quy định cụ thể thì cơ quan đề xuất thành lập tổ chức phối hợp liên ngành gửi hồ sơ đến cơ quan Nội vụ cùng cấp để thẩm định (trừ các trường hợp pháp luật có quy định cụ thể cơ quan, đơn vị trực tiếp trình), trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định. Hồ sơ gồm các nội dung theo khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

a) Sở Nội vụ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ thành lập tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Phòng Nội vụ có trách nhiệm thẩm định việc thành lập tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Nội dung thẩm định bao gồm: Sự cần thiết, cơ sở pháp lý; tên gọi, chức năng, nhiệm vụ; cơ cấu, thành viên; thời hạn hoạt động; nội dung dự thảo quy chế.

c) Thời gian thẩm định, trình hồ sơ thành lập tổ chức phối hợp liên ngành là không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này (trừ những trường hợp phải xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Thị ủy, Huyện ủy)

Trong trường hợp không đủ điều kiện thành lập, cơ quan thẩm định phải trả lời bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do không đủ điều kiện thành lập.

2. Đối với các tổ chức phối hợp liên ngành không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này thì cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ có trách nhiệm tham mưu, trình trực tiếp cho Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thành lập (không qua thẩm định của cơ quan Nội vụ).

Về trình tự, hồ sơ thành lập tổ chức phối hợp liên ngành thực hiện theo Điều 8 Quy chế này.

### **Điều 10. Tổ chức lại tổ chức phối hợp liên ngành**

1. Tổ chức lại tổ chức phối hợp liên ngành là việc sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức phối hợp liên ngành dưới các hình thức đổi tên, kiện toàn nhân sự, sáp nhập, hợp nhất, chia tách theo yêu cầu nhiệm vụ công tác.

2. Sắp xếp tổ chức phối hợp liên ngành

a) Việc sắp xếp các tổ chức phối hợp liên ngành (như sáp nhập, hợp nhất) được thực hiện khi mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ chồng chéo, trùng lặp với nhau.

b) Trình tự, hồ sơ sắp xếp tổ chức phối hợp liên ngành được thực hiện theo trình tự thành lập tổ chức phối hợp liên ngành tại Điều 8, Điều 9 Quy chế này.

3. Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ; kiện toàn nhân sự; bổ sung, thay đổi thành viên

a) Cơ quan được giao làm nhiệm vụ thường trực của tổ chức phối hợp liên ngành có trách nhiệm thường xuyên rà soát các thành viên trong tổ chức phối hợp liên ngành để kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, kiện toàn nhân sự, bổ sung, thay đổi thành viên đối với các trường hợp sau đây:

Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ hoặc kiện toàn và đổi tên đối với trường hợp có sự thay đổi người đứng đầu hoặc từ 50% trên tổng số thành viên tham gia trở lên và có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, tên gọi hoặc thay đổi tên gọi của tổ chức phối hợp liên ngành.

Kiện toàn nhân sự đối với trường hợp có sự thay đổi người đứng đầu hoặc từ 50% trên tổng số thành viên tham gia trở lên và không thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, tên gọi của tổ chức phối hợp liên ngành.

Bổ sung, thay đổi thành viên tham gia tổ chức phối hợp liên ngành khi có đề nghị của cơ quan liên quan về việc thay đổi nhân sự.

b) Trình tự, thủ tục kiện toàn chức năng, nhiệm vụ; kiện toàn nhân sự; bổ sung, thay đổi thành viên tổ chức phối hợp liên ngành:

Cơ quan thường trực tổ chức phối hợp liên ngành gửi hồ sơ (Tờ trình; dự thảo quyết định; ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị có liên quan) đến Văn phòng Ủy ban nhân dân cùng cấp để trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định, đồng gửi cơ quan Nội vụ cùng cấp để theo dõi.

### **Điều 11. Giải thể tổ chức phối hợp liên ngành**

1. Tổ chức phối hợp liên ngành tự giải thể trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức phối hợp liên ngành xác định được thời gian hoạt động thì tự giải thể theo thời hạn ghi trong quyết định thành lập;

b) Tổ chức phối hợp liên ngành không xác định được thời gian hoạt động thì tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ;

c) Cơ quan, đơn vị được giao làm nhiệm vụ thường trực của tổ chức phối hợp liên ngành có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện biết việc tổ chức phối hợp liên ngành đã được giải thể (thông qua cơ quan Nội vụ cùng cấp).

2. Tổ chức phối hợp liên ngành bị giải thể trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức phối hợp liên ngành không hoàn thành nhiệm vụ hoặc sau 06 tháng kể từ khi thành lập tổ chức phối hợp liên ngành không hoạt động do không có vụ việc xử lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành hoặc không còn phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Trình tự giải thể được áp dụng đối với khoản 2 Điều này

a) Cơ quan, đơn vị nào trình việc thành lập tổ chức phối hợp liên ngành thì cơ quan, đơn vị đó trình việc giải thể tổ chức phối hợp liên ngành.

b) Hồ sơ trình việc giải thể

Tờ trình về việc giải thể tổ chức phối hợp liên ngành, trong đó nêu rõ lý do việc giải thể;

Dự thảo Quyết định giải thể;

Báo cáo tổng hợp ý kiến các thành viên của tổ chức phối hợp liên ngành về việc giải thể.

c) Cấp nào ra quyết định thành lập thì cấp đó ra quyết định giải thể theo đề nghị của cơ quan đề xuất thành lập tổ chức phối hợp liên ngành.

### **Chương III**

## **HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC PHỐI HỢP LIÊN NGÀNH**

### **Điều 12. Chế độ làm việc**

Thành viên của tổ chức phối hợp liên ngành làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu và mỗi thành viên trong tổ chức.

### **Điều 13. Chế độ sử dụng con dấu**

Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu tổ chức phối hợp liên ngành và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật được sử dụng con dấu của cơ quan noicông tác để thực hiện nhiệm vụ của tổ chức phối hợp liên ngành.

### **Điều 14. Quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức phối hợp liên ngành**

1. Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức phối hợp liên ngành;

2. Điều hành, phân công nhiệm vụ cho các thành viên;

3. Triệu tập, chủ trì các cuộc họp của tổ chức phối hợp liên ngành;

4. Điều động, trung tập nhân sự của các cơ quan, đơn vị là thành viên của tổ chức liên ngành tham gia giúp việc cho tổ chức phối hợp liên ngành;

5. Quyết định Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành (nếu có);

6. Chỉ đạo cơ quan, đơn vị được giao làm nhiệm vụ thường trực thực hiện chế độ báo cáo về tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành (nếu có); bảo quản hồ sơ, tài liệu của tổ chức phối hợp liên ngành theo quy định của pháp luật; quản lý kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc được trang bị theo quy định của pháp luật;

7. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

### **Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan thường trực tổ chức phối hợp liên ngành**

Chịu trách nhiệm bảo đảm các điều kiện hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành, sử dụng bộ máy của mình để tổ chức thực hiện nhiệm vụ của tổ chức phối hợp liên ngành (trừ trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quy định khác), giúp người đứng đầu tổ chức phối hợp liên ngành triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Điều 14 Quy chế này.

### **Điều 16. Quyền hạn, trách nhiệm của thành viên**

1. Thành viên của tổ chức phối hợp liên ngành có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành, chịu trách nhiệm trước người đứng đầu về những công việc được phân công.

2. Ý kiến tham gia của các thành viên là ý kiến của cơ quan, tổ chức đã cử thành viên tham gia tổ chức phối hợp liên ngành.

3. Thành viên của tổ chức phối hợp liên ngành được cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành.

**Điều 17. Chế độ hội họp, thông tin, báo cáo**

1. Tổ chức phối hợp liên ngành tổ chức các cuộc họp, thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu công việc và theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức phối hợp liên ngành sau khi kết thúc hoặc hoàn thành nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

**Điều 18. Kinh phí hoạt động**

Kinh phí hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành do ngân sách nhà nước bảo đảm và được bố trí trong kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan được giao nhiệm vụ thường trực tổ chức phối hợp liên ngành.

**Chương IV**  
**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 19. Điều khoản thi hành**

1. Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương; Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ quyết định thi hành.

**Điều 20. Sửa đổi, bổ sung**

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc cần phải điều chỉnh, bổ sung thì Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, quyết định./.



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2023/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 27 tháng 7 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ,  
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của  
Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân  
tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày  
04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn  
thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của  
Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Bộ  
trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan  
chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc  
Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh,  
thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 35/TTr-SXD ngày  
05 tháng 6 năm 2023 và Báo cáo số 218/BC-SXD ngày 14 tháng 7 năm 2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 08 tháng 8 năm 2023 và thay thế Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên và Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo

Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Tấn Hồ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****QUY ĐỊNH****Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng  
tỉnh Phú Yên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 44/2023/QĐ-UBND  
ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

**Chương I****CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN****Điều 1. Vị trí chức năng**

1. Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: Quy hoạch xây dựng; kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật; nhà ở; công sở; thị trường bất động sản; vật liệu xây dựng; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật.

2. Sở Xây dựng có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Xây dựng.

**Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn****1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:**

a) Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến ngành, lĩnh vực xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Sở và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực xây dựng; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh trong phạm vi quản lý của Sở;

c) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực xây dựng;

d) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở;

đ) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công ngành, lĩnh vực xây dựng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

**2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:**

a) Dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng theo phân công;

b) Dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu

tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch và các văn bản khác trong ngành, lĩnh vực xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Về quy hoạch xây dựng (bao gồm quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn):

a) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng, thiết kế đô thị theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

b) Tổ chức lập, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng trên địa bàn theo quy định;

d) Hướng dẫn, quản lý và tổ chức thực hiện các quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt trên địa bàn theo phân cấp, bao gồm: Tổ chức công bố, công khai các quy hoạch xây dựng; quản lý hồ sơ các mốc giới, chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng; giới thiệu địa điểm xây dựng và hướng tuyến công trình hạ tầng kỹ thuật; cung cấp thông tin về quy hoạch;

đ) Cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, bổ sung, chuyển đổi, thu hồi chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng đối với cá nhân, chứng chỉ năng lực của tổ chức tham gia thiết kế quy hoạch xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;

e) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về quy hoạch xây dựng.

5. Về kiến trúc:

a) Thực hiện và phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, kiểm tra và giám sát chất lượng kiến trúc trong dự án đầu tư xây dựng;

b) Tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; hướng dẫn và kiểm tra với Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc lập, thẩm định quy chế quản lý kiến trúc đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt và ban hành của Ủy ban nhân dân cấp huyện; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý kiến trúc sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành; tổ chức rà soát, đánh giá quá trình thực hiện quy chế quản lý kiến trúc định kỳ 05 năm hoặc đột xuất để xem xét, điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc;

c) Lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thu hồi chứng chỉ hành nghề kiến trúc; công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc đối với người nước ngoài

đã có chứng chỉ hành nghề kiến trúc đang có hiệu lực do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp;

đ) Xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật, đăng tải và cung cấp thông tin về tổ chức, cá nhân hành nghề kiến trúc có trụ sở chính trên địa bàn.

6. Về hoạt động đầu tư xây dựng:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng, gồm: Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; khảo sát, thiết kế xây dựng; cấp giấy phép xây dựng; thi công, nghiệm thu, bảo hành và bảo trì công trình xây dựng; thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và kiểm định xây dựng; an toàn trong thi công xây dựng; quản lý chi phí đầu tư xây dựng, hợp đồng xây dựng; quản lý điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân và cấp giấy phép hoạt động cho nhà thầu nước ngoài;

b) Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn theo quy định;

c) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy hoạch, thiết kế xây dựng, giấy phép xây dựng theo quy định;

d) Thực hiện quản lý công tác đấu thầu trong hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật về đấu thầu trên địa bàn;

đ) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với hoạt động của các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập;

e) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng, giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

g) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn; tổ chức xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố, ban hành hoặc công bố theo phân cấp hoặc ủy quyền: Các tập đơn giá xây dựng công trình, công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình, đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công, giá thuê máy và thiết bị thi công, chỉ số giá xây dựng; tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn việc áp dụng hoặc vận dụng các định mức, đơn giá xây dựng, chỉ số giá xây dựng, suất vốn đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của địa phương;

h) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cho công tác xây dựng đặc thù của địa phương theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng và quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng để tổng hợp theo dõi;

i) Thực hiện việc thông báo các thông tin về định mức, giá xây dựng, chỉ số giá xây dựng theo tháng, quý hoặc năm, theo các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng bảo đảm kịp thời với những biến động giá trên thị trường xây dựng;

k) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thu hồi giấy phép xây dựng trên địa bàn theo quy định;

l) Cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng cho các nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại địa bàn theo quy định;

m) Tổ chức sát hạch, cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, bổ sung, chuyển đổi, thu hồi chứng chỉ hành nghề xây dựng đối với cá nhân, chứng chỉ năng lực hoạt động đối với tổ chức theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra việc cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, bổ sung, chuyển đổi, thu hồi và quản lý các loại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trên địa bàn;

n) Xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật, đăng tải và cung cấp thông tin về năng lực của các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động xây dựng có trụ sở chính trên địa bàn (bao gồm cả các nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng);

o) Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá tổng thể hoạt động đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của Sở.

#### 7. Về phát triển đô thị:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lập các loại chương trình phát triển đô thị hoặc thẩm định các chương trình phát triển đô thị theo thẩm quyền; xác định các khu vực phát triển đô thị và kế hoạch thực hiện; xác định các chỉ tiêu về lĩnh vực phát triển đô thị trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chương trình sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Xây dựng các cơ chế, chính sách, giải pháp nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng và phát triển các đô thị đồng bộ, các khu đô thị mới, các chính sách, giải pháp quản lý quá trình phát triển đô thị, các mô hình quản lý đô thị, khuyến khích phát triển các dịch vụ công trong lĩnh vực phát triển đô thị; tổ chức thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, ban hành;

c) Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, bao gồm: Chương trình nâng cấp đô thị, chương trình phát triển đô thị, đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu, kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh, xây dựng phát triển đô thị thông minh, dự án cải thiện môi trường đô thị, nâng cao năng lực quản lý đô thị, dự án đầu tư phát triển đô thị và các chương trình, dự án khác có liên quan đến phát triển đô thị;

d) Tổ chức thực hiện việc đánh giá, phân loại đô thị hàng năm, đề xuất việc tổ chức hoàn thiện các tiêu chí phân loại đô thị đối với các đô thị đã được công nhận loại đô thị; hướng dẫn, kiểm tra các đề án công nhận loại đô thị trình Ủy ban nhân dân tỉnh để trình cấp có thẩm quyền công nhận loại đô thị; tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án đề nghị công nhận đô thị loại V;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra các hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, khai thác sử dụng đất xây dựng đô thị theo quy hoạch và kế hoạch đã được phê duyệt; tổ chức thực hiện quản lý đầu tư phát triển đô thị theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư phát triển đô thị, pháp luật về đầu tư xây dựng và pháp luật có liên quan theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; hướng dẫn quản lý trật tự xây dựng đô thị;

e) Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư phát triển đô thị; tổ chức vận động, khai thác, điều phối các nguồn lực trong và ngoài nước cho việc đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; khai thác sử dụng và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện bàn giao quản lý trong khu đô thị hoặc tổ chức thực hiện khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp, ủy quyền;

g) Theo dõi, tổng hợp, đánh giá và báo cáo tình hình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh; tổ chức xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về tình hình phát triển đô thị trên địa bàn.

8. Về hạ tầng kỹ thuật, bao gồm: Cấp nước đô thị và khu công nghiệp; thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung và khu công nghiệp; quản lý xây dựng hạ tầng kỹ thuật thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn; công viên, cây xanh đô thị; chiếu sáng đô thị; nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sĩ) và cơ sở hỏa táng; kết cấu hạ tầng giao thông đô thị; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị:

a) Xây dựng kế hoạch, chương trình, chỉ tiêu và cơ chế chính sách phát triển lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Tổ chức lập, thẩm định theo phân cấp và quy định pháp luật về quy hoạch thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn theo quy định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, vận động, khai thác các nguồn lực để phát triển hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn;

d) Hướng dẫn công tác lập và quản lý chi phí các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở; tổ chức lập đề trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố hoặc ban hành định mức dự toán các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn chưa có trong các định mức dự toán do Bộ Xây dựng công bố, hoặc đã có nhưng không phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện cụ thể của tỉnh; tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn việc áp dụng hoặc vận dụng các định mức, đơn giá về dịch vụ hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn và giá dự toán chi phí các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật sử dụng nguồn vốn ngân sách của địa phương; kiểm tra, giám sát việc thực hiện;

đ) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về hạ tầng kỹ thuật;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn.

9. Về nhà ở:

a) Nghiên cứu xây dựng đề trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định ban hành và điều chỉnh chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh, bao gồm: Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ, nhà ở để phục vụ tái định cư, nhà ở của hộ gia đình, cá nhân và các chương trình mục tiêu của tỉnh về hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng xã hội gặp khó khăn về nhà ở; tổ chức triển khai thực hiện sau khi được cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan:

Cho ý kiến thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án phát triển nhà ở do Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận hoặc quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư và pháp luật nhà ở; thực hiện lựa chọn chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị và nhà ở xã hội để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền;

Xây dựng các cơ chế, chính sách về phát triển và quản lý nhà ở phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành theo thẩm quyền; đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

c) Thẩm định giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội đối với các dự án phát triển nhà ở xã hội trên phạm vi địa bàn theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; xây dựng khung giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do các hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng, giá dịch vụ quản lý, vận hành nhà ở xã hội theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, điều chỉnh, bổ sung quỹ đất dành để phát triển nhà ở xã hội trong quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị của tỉnh; tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thu hồi quỹ đất thuộc các dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị mới đã giao cho các chủ đầu tư, nhưng không triển khai hoặc triển khai chậm so với tiến độ đã được phê duyệt, quỹ đất 20% dành để xây dựng nhà ở xã hội trong các dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị mới nhưng chưa sử dụng để giao cho các chủ đầu tư có nhu cầu đầu tư xây dựng nhà ở xã hội;

đ) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch phát triển quỹ nhà ở công vụ do tỉnh quản lý (bao gồm nhu cầu đất đai và vốn đầu tư xây dựng) theo quy định về tiêu chuẩn diện tích nhà ở công vụ do Thủ tướng Chính phủ ban hành;

e) Xây dựng, ban hành khung giá cho thuê nhà ở công vụ; khung giá cho thuê, thuê mua và giá bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về tiếp nhận quỹ nhà ở tự quản của Trung ương và của tỉnh để thống nhất quản lý, thực hiện bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê theo quy định của pháp luật;

g) Tham gia định giá các loại nhà trên địa bàn theo khung giá, nguyên tắc và phương pháp định giá các loại nhà của Nhà nước;

h) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện tiêu chuẩn xây dựng nhà ở, nhà ở xã hội; hướng dẫn thực hiện việc phân loại, thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, quy chế quản lý, sử dụng, chế độ bảo hành, bảo trì nhà ở, nhà ở xã hội trên địa bàn;

i) Tổ chức thực hiện các chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển và quản lý nhà ở; thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở;

k) Tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện phát triển nhà ở, nhà ở xã hội trên địa bàn theo định kỳ hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Chính phủ;

l) Tổ chức điều tra, thống kê, đánh giá định kỳ về nhà ở thuộc sở hữu



nhà nước trên địa bàn; tổ chức xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin về nhà ở thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn.

#### 10. Về công sở:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn xây dựng công sở, trụ sở làm việc; hướng dẫn thực hiện việc phân loại, thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, quy chế quản lý, sử dụng, chế độ bảo hành, bảo trì công sở, trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn;

b) Phối hợp với Sở Tài chính thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng, mua bán, cho thuê, thuê mua đối với công sở, trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức điều tra, thống kê, đánh giá định kỳ về công sở thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn; tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin về công sở thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn.

#### 11. Về thị trường bất động sản:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách phát triển và quản lý thị trường bất động sản; các giải pháp nhằm minh bạch hóa hoạt động giao dịch, kinh doanh bất động sản trên địa bàn; tổ chức thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, ban hành;

b) Thực hiện các chính sách, giải pháp điều tiết và bình ổn thị trường bất động sản trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về điều kiện năng lực của chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và các dự án đầu tư kinh doanh bất động sản khác trên địa bàn; hướng dẫn các quy định về bất động sản được đưa vào kinh doanh;

d) Tổ chức thẩm định hồ sơ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ các dự án khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép chuyển nhượng dự án theo thẩm quyền; hướng dẫn kiểm tra các quy định của pháp luật trong hoạt động mua bán, cho thuê, cho thuê mua nhà, công trình xây dựng trên địa bàn;

đ) Kiểm tra hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản; thực hiện việc cấp và quản lý chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn;

e) Theo dõi, tổng hợp tình hình, tổ chức xây dựng hệ thống thông tin về thị trường bất động sản, hoạt động kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ bất động sản trên địa bàn; định kỳ báo cáo hoặc theo yêu cầu đột xuất để Bộ Xây dựng báo cáo theo quy định.

#### 12. Về vật liệu xây dựng:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng của địa phương; phương án thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường của địa phương trong quy hoạch tỉnh;

b) Quản lý và tổ chức thực hiện các quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi

măng đã được phê duyệt trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Cho ý kiến thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn theo quy định;

d) Hướng dẫn các hoạt động thẩm định, đánh giá về: Công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng; công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng; chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, các quy định về an toàn, vệ sinh lao động trong các hoạt động: Khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng; sản xuất vật liệu xây dựng;

e) Hướng dẫn các quy định của pháp luật về kinh doanh vật liệu xây dựng đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

g) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng trên địa bàn theo quy định;

h) Theo dõi, tổng hợp tình hình đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng, tình hình sản xuất vật liệu xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn;

i) Xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án, chương trình, dự án khuyến khích, hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các sản phẩm cơ khí xây dựng.

13. Hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật; quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực xây dựng.

14. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các hội, tổ chức phi chính phủ hoạt động trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

15. Thực hiện hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế về các lĩnh vực quản lý của Sở theo quy định của pháp luật và sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

16. Xây dựng, chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường; xây dựng hệ thống thông tin, tư liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của Sở được giao theo quy định của pháp luật.

17. Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

18. Thanh tra, kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân trong việc thi hành pháp luật thuộc ngành Xây dựng, xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở theo quy định pháp luật hoặc theo sự phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

19. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành Xây dựng theo quy định của Bộ Xây dựng và sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

20. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, viên chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

21. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

22. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật.

## **Chương II** **CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ**

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức**

#### **1. Lãnh đạo Sở:**

- a) Sở Xây dựng có Giám đốc và từ 02 đến 03 Phó Giám đốc;
- b) Giám đốc Sở là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- c) Phó Giám đốc Sở là người giúp Giám đốc Sở thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở;
- d) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách đối với Giám đốc Sở và Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Đảng và của pháp luật;
- đ) Giám đốc, Phó Giám đốc Sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị trực thuộc Sở, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.

#### **2. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ:**

- a) Văn phòng;
- b) Thanh tra;
- c) Phòng Quy hoạch, kiến trúc và Phát triển đô thị;

- d) Phòng Quản lý xây dựng;
- đ) Phòng Quản lý nhà và Hạ tầng kỹ thuật;
- e) Phòng Quản lý chất lượng và vật liệu xây dựng.

Các phòng chức năng và chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở có Trưởng phòng và các Phó Trưởng phòng. Số lượng Phó Trưởng phòng thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở:

- a) Trung tâm Quy hoạch và Tư vấn xây dựng tỉnh Phú Yên;
- b) Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng tỉnh Phú Yên.

Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở có tư cách pháp nhân, có trụ sở, có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động, chịu sự chỉ đạo toàn diện của Giám đốc Sở Xây dựng.

**Điều 4. Biên chế**

1. Biên chế công chức trong các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ, được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và trong tổng biên chế công chức đã được cấp có thẩm quyền giao và phê duyệt, đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật. Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Sở đảm bảo số lượng người làm việc tối thiểu theo quy định của pháp luật.

2. Việc bố trí công tác đối với công chức, viên chức, nhân viên phải căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu ngạch, tiêu chuẩn chức danh, phẩm chất, năng lực, sở trường của công chức, viên chức, nhân viên theo quy định.

**Chương III**

**CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÁC TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC SỞ**

**Điều 5. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ**

1. Văn phòng:

a) Chức năng, nhiệm vụ: Tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy, công tác cán bộ; các chế độ chính sách liên quan đến công chức, viên chức, người lao động; công tác đào tạo, thi đua, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; công tác bảo vệ chính trị nội bộ; công tác pháp chế; công tác tài chính, kế toán; công tác văn thư, lưu trữ; công tác quản trị hành chính Văn phòng; đầu mối thực hiện công tác cải cách hành chính, Chính phủ điện tử; theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất; chế độ báo cáo thông kê tổng hợp ngành Xây dựng; thực hiện các công tác khác do Lãnh đạo Sở giao;

b) Cơ cấu tổ chức: Chánh Văn phòng, 01 Phó Chánh Văn phòng, công chức và nhân viên.

2. Thanh tra:

a) Chức năng, nhiệm vụ: Tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện chức năng thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật

(trừ các công việc kiểm tra thường xuyên thuộc chức năng, nhiệm vụ của các Phòng chuyên môn); tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; quản lý trật tự xây dựng thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của Sở Xây dựng; xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; thực hiện các công tác khác do Lãnh đạo Sở giao;

b) Cơ cấu tổ chức: Chánh Thanh tra, 01 Phó Chánh Thanh tra và công chức thanh tra.

### 3. Phòng Quy hoạch, kiến trúc và Phát triển đô thị:

a) Chức năng, nhiệm vụ: Tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp giấy phép xây dựng; quy hoạch xây dựng; kiến trúc (trừ công tác cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc, chứng chỉ hành nghề quy hoạch xây dựng); phát triển đô thị; thực hiện các công tác khác do Lãnh đạo Sở giao;

b) Cơ cấu tổ chức: Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và công chức chuyên môn.

### 4. Phòng Quản lý xây dựng:

a) Chức năng, nhiệm vụ: Tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư xây dựng, gồm: Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, khảo sát, thiết kế xây dựng; chi phí đầu tư xây dựng (trừ giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình); hợp đồng xây dựng; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân (bao gồm chứng chỉ hành nghề kiến trúc, chứng chỉ hành nghề quy hoạch xây dựng) và cấp giấy phép hoạt động cho nhà thầu nước ngoài; công tác đấu thầu trong hoạt động xây dựng; hoạt động của các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập; quản lý doanh nghiệp hoạt động xây dựng, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; thực hiện các công tác khác do Lãnh đạo Sở giao;

b) Cơ cấu tổ chức: Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và công chức chuyên môn.

### 5. Phòng Quản lý Nhà và Hạ tầng kỹ thuật:

a) Chức năng, nhiệm vụ: Tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hạ tầng kỹ thuật; nhà ở, công sở; thị trường bất động sản; thực hiện các công tác khác do Lãnh đạo Sở giao;

b) Cơ cấu tổ chức: Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và công chức chuyên môn.

### 6. Phòng Quản lý chất lượng và Vật liệu xây dựng:

a) Chức năng, nhiệm vụ: Tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo hành, bảo trì công trình xây dựng; giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng; thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và kiểm định xây dựng; công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình; an toàn lao động và vệ sinh môi trường; vật liệu xây dựng; thực hiện các công tác khác do Lãnh đạo Sở giao;

b) Cơ cấu tổ chức: Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và công chức chuyên môn.

## **Điều 6. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc**

Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc được thực hiện theo quy định hiện hành.

#### **Chương IV** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 7. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Xây dựng**

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Sở theo hướng dẫn chung của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công, phân cấp hoặc uỷ quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật.

##### **Điều 8. Trách nhiệm phối hợp**

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc cần sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở, Sở Xây dựng phối hợp với Sở Nội vụ đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45 /2023/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 10 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức  
của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6  
năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của  
Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân  
tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của  
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP  
ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên  
môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của  
Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BTTTT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của  
Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ,  
quyền hạn của Sở Thông tin và Truyền thông thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh,  
Phòng Văn hoá và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;*

*Theo đề nghị Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số  
42/TTr-STTTT ngày 13 tháng 7 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 8 năm 2023 và thay thế các Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên và Quyết định số

57/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Tạ Anh Tuấn**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên**

*(Kèm theo Quyết định số: 45 /2023/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

#### **Điều 1. Vị trí và chức năng**

1. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về báo chí; xuất bản, in, phát hành; phát thanh, truyền hình; thông tin điện tử; thông tin đối ngoại; thông tin cơ sở; bưu chính; viễn thông; tần số vô tuyến điện; công nghiệp công nghệ thông tin; ứng dụng công nghệ thông tin; an toàn thông tin mạng; giao dịch điện tử, chuyển đổi số tại địa phương (sau đây gọi tắt là thông tin và truyền thông).

2. Sở Thông tin và Truyền thông có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông.

#### **Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quyết định liên quan đến lĩnh vực thông tin và truyền thông và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh trong phạm vi quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông;

c) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông cho Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông;

đ) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công ngành thông tin và truyền thông thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Dự thảo các văn bản lĩnh vực thông tin và truyền thông thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân công.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật về thông tin và truyền thông đã được phê

duyet; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Về báo chí (bao gồm báo in, tạp chí in, báo điện tử, tạp chí điện tử, phát thanh, truyền hình, bản tin)

a) Quản lý báo chí lưu chiểu theo quy định và tổ chức kiểm tra báo chí lưu chiểu tại địa phương;

b) Cấp giấy phép, thay đổi nội dung ghi trong giấy phép, thu hồi giấy phép xuất bản bản tin cho các cơ quan, tổ chức ở địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Trình cấp có thẩm quyền trả lời hoặc trả lời thông báo tổ chức họp báo trên địa bàn tỉnh đối với các cơ quan, tổ chức, công dân của địa phương, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra các điều kiện hoạt động của văn phòng đại diện; trường hợp không đủ điều kiện, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản yêu cầu cơ quan báo chí chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện và xử lý theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phát triển sự nghiệp phát thanh, truyền hình của tỉnh sau khi được phê duyệt;

e) Quản lý các dịch vụ phát thanh, truyền hình; quản lý và cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

5. Về xuất bản, in và phát hành

a) Cấp, thu hồi giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh; cấp, thu hồi giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh; cấp, thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm và giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài đối với các cơ sở in xuất bản phẩm trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Cấp, thu hồi giấy phép hoạt động in; xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in; đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Cấp, thu hồi giấy phép triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm; tạm đình chỉ việc tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm cho cơ quan, tổ chức, cá nhân do Sở Thông tin và Truyền thông cấp phép; xác nhận, xác nhận lại đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm đối với doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo quy định;

d) Quản lý việc lưu chiểu xuất bản phẩm và tổ chức đọc xuất bản phẩm lưu chiểu do Sở Thông tin và Truyền thông cấp phép; kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền khi phát hiện sản phẩm in có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

đ) Tạm đình chỉ hoặc đình chỉ hoạt động in nếu phát hiện nội dung sản phẩm in vi phạm Luật Xuất bản và nghị định hướng dẫn thi hành; báo cáo Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

e) Đình chỉ phát hành có thời hạn, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy xuất bản phẩm vi phạm Luật Xuất bản trên địa bàn tỉnh khi có quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định.

6. Về thông tin đối ngoại

- a) Xây dựng quy chế, quy định về hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh;
- b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch hoạt động thông tin đối ngoại dài hạn, trung hạn, hằng năm của tỉnh và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;
- c) Chủ trì, tổ chức thẩm định các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch hoạt động thông tin đối ngoại dài hạn, trung hạn, hằng năm của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch hoạt động thông tin đối ngoại;
- d) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chấp thuận trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài ở địa phương hoặc tham mưu ban hành văn bản chấp thuận khi được UBND tỉnh phân cấp theo quy định của pháp luật;
- đ) Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy định hướng công tác tuyên truyền thông tin đối ngoại thông qua các hình thức: Giao ban báo chí, họp báo định kỳ, họp báo đột xuất, trên công thông tin điện tử của tỉnh.

#### 7. Về thông tin cơ sở và hoạt động truyền thanh - truyền hình cấp huyện

- a) Xây dựng và tổ chức quản lý hệ thống thông tin cơ sở và truyền thanh - truyền hình các huyện, thị xã, thành phố;
- b) Xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin nguồn thông tin cơ sở của tỉnh;
- c) Tổ chức cung cấp thông tin; quản lý nội dung thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh.

#### 8. Về thông tin điện tử

- a) Tiếp nhận, thẩm định và cấp, thu hồi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp cho các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành;
- b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện kỹ thuật của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh sau khi doanh nghiệp chính thức cung cấp dịch vụ;
- c) Công khai danh sách các điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng được cấp và bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng; cập nhật danh sách các trò chơi điện tử trên mạng đã được cấp phép và bị thu hồi quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản;
- d) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quản lý, thống kê, báo cáo tình hình hoạt động của các điểm truy cập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

#### 9. Về quảng cáo

- a) Hướng dẫn việc thực hiện quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền;
- b) Giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các vi phạm của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh hoạt động quảng cáo trên báo chí, trên môi

trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

#### 10. Về bưu chính

a) Cấp, thu hồi giấy phép bưu chính đối với các trường hợp cung ứng dịch vụ thư trong phạm vi nội tỉnh theo thẩm quyền;

b) Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính đối với trường hợp cung ứng dịch vụ bưu chính quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 25 Luật Bưu chính trong phạm vi nội tỉnh và trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 25 Luật Bưu chính;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, tạo điều kiện phát triển mạng lưới bưu chính công cộng trên địa bàn tỉnh;

d) Quản lý và phối hợp quản lý hoạt động của doanh nghiệp bưu chính; giá cước, chất lượng dịch vụ bưu chính, an toàn bưu chính; tem bưu chính trên địa bàn tỉnh;

đ) Giám sát, kiểm tra hoạt động của mạng bưu chính công cộng; việc cung ứng các dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, nhiệm vụ công ích trên mạng bưu chính công cộng.

#### 11. Về viễn thông

a) Hướng dẫn, kiểm tra, chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông triển khai công tác bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng trong hoạt động viễn thông trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh hoàn thiện các thủ tục xây dựng cơ bản để xây dựng các công trình viễn thông theo giấy phép đã được cấp, phù hợp với quy hoạch phát triển của địa phương và theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi, thúc đẩy phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số, thúc đẩy việc chia sẻ, sử dụng chung và xử lý các vướng mắc, tranh chấp về việc tiếp cận, chia sẻ, sử dụng chung, giá thuê đối với hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và hạ tầng kỹ thuật liên ngành trên địa bàn tỉnh;

d) Hướng dẫn, chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý thông tin thuê bao viễn thông của các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh.

#### 12. Về tần số vô tuyến điện

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch sử dụng kênh tần số đối với phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh; các quy định về điều kiện kỹ thuật, điều kiện khai thác các thiết bị vô tuyến điện được sử dụng có điều kiện;

b) Phối hợp với tổ chức tần số vô tuyến điện khu vực xử lý can nhiễu trong địa bàn tỉnh;

c) Tiếp nhận, hướng dẫn hoàn thiện thủ tục xin cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo ủy quyền của Cục Tần số vô tuyến điện.

#### 13. Về công nghiệp công nghệ thông tin

a) Tổ chức thực hiện các chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về công nghiệp công nghệ thông tin; cơ chế, chính sách, các quy định quản lý, hỗ trợ phát triển công nghiệp phần cứng, công nghiệp phần mềm, công nghiệp

nội dung số và dịch vụ công nghệ thông tin, phát triển doanh nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp công nghệ số;

b) Xây dựng, quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu về sản phẩm công nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp công nghệ số tại địa phương, thông tin về sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước được ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm phục vụ công tác báo cáo định kỳ theo quy định;

c) Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp công nghệ số; tổng hợp, đánh giá mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông tại địa phương;

d) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc đề xuất thành lập, mở rộng, công nhận khu công nghệ thông tin tập trung, bổ sung vào quy hoạch khu công nghệ thông tin tập trung và các nhiệm vụ khác liên quan theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

14. Về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số

a) Thực hiện nhiệm vụ thường trực Ban chỉ đạo về chuyển đổi số của tỉnh; là đầu mối tổng hợp, tham mưu, điều phối hoạt động phối hợp liên ngành giữa các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, tổ chức để thực hiện các chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, đô thị thông minh tại địa phương;

b) Thực hiện nhiệm vụ đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật; đề xuất, xây dựng, hướng dẫn, tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án của tỉnh về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; xây dựng quy chế, quy định và tổ chức hoạt động chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; thu thập, lưu trữ, xử lý thông tin phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo; tổ chức triển khai, xây dựng, quản lý, vận hành, hướng dẫn sử dụng cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành tác nghiệp; xây dựng và duy trì hoạt động trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử của tỉnh; tổ chức triển khai, bảo đảm kỹ thuật cho việc cung cấp dịch vụ hành chính công;

c) Hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trong phạm vi quản lý; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong phạm vi quản lý, bảo đảm đầu tư tập trung, đúng mục tiêu, có hiệu quả; kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin đối với các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo thẩm quyền; thẩm định dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số theo thẩm quyền;

d) Xây dựng, duy trì, cập nhật, tổ chức thực hiện và đánh giá, kiểm tra việc tuân thủ Kiến trúc Chính quyền điện tử, Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh;

đ) Hướng dẫn việc quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong phạm vi quản lý; theo dõi, đôn đốc, đánh giá, kiểm tra việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị của tỉnh, là đầu mối tham mưu giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu; điều phối kết nối chia sẻ dữ liệu, hướng dẫn, hỗ trợ cơ quan, đơn vị kết nối ra ngoài tỉnh; xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành cập nhật danh mục các cơ sở dữ liệu thuộc tỉnh quản lý; tổ chức triển khai, xây dựng, vận hành và duy trì công dữ liệu và hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu trong tỉnh và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác;

e) Tổ chức triển khai, xây dựng, quản lý, vận hành hạ tầng mạng, trung tâm dữ liệu, hạ tầng, nền tảng, cơ sở dữ liệu dùng chung, sử dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh phục vụ chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số;

g) Tổ chức triển khai các hoạt động thúc đẩy đưa hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hoạt động của người dân lên các nền tảng số Việt Nam theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông;

h) Tổ chức triển khai các hoạt động thúc đẩy tổ chức, doanh nghiệp, người dân sử dụng chữ ký số, dấu thời gian, dịch vụ tin cậy và xác thực điện tử; phối hợp với đầu mối của Ban Cơ yếu Chính phủ thúc đẩy sử dụng chữ ký số chuyên dùng trong cơ quan nhà nước; thúc đẩy ứng dụng và phát triển chữ ký số, dấu thời gian, dịch vụ tin cậy và xác thực điện tử tại địa phương theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

#### 15. Về an toàn thông tin mạng

a) Thực hiện nhiệm vụ đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin mạng theo quy định của pháp luật;

b) Xây dựng, hướng dẫn, tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án của tỉnh về an toàn thông tin mạng;

c) Tổ chức triển khai bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; thẩm định về an toàn thông tin mạng trong hồ sơ thiết kế hệ thống thông tin, cấp độ an toàn hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng đối với sản phẩm, thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông và các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức quản lý, triển khai giám sát an toàn thông tin, giám sát thông tin về tỉnh Phú Yên trên không gian mạng; thực hiện cảnh báo về an toàn thông tin; là đầu mối điều phối kỹ thuật để xử lý thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng theo quy định của pháp luật; tổ chức triển khai kết nối, chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia thuộc Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông;

e) Tổ chức triển khai hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia, hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng của tỉnh theo quy định; là thành viên mạng lưới ứng cứu

sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia và thực hiện trách nhiệm, quyền hạn theo quy định của pháp luật liên quan; tổ chức triển khai kết nối, chia sẻ thông tin với Trung tâm ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam (VNCERT/CC) thuộc Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông;

g) Tổ chức hướng dẫn bảo đảm an toàn thông tin cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, phổ cập công cụ và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản cho người dân;

h) Tổ chức triển khai, xây dựng, quản lý, vận hành các hệ thống đảm bảo an toàn thông tin, các hệ thống hạ tầng kỹ thuật tập trung của tỉnh để bóc gỡ mã độc, xử lý, giảm thiểu tấn công mạng, hỗ trợ giám sát an toàn thông tin cho hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số;

i) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng trong lĩnh vực phòng, chống tấn công mạng, phòng, chống mã độc; bảo đảm an toàn thông tin cá nhân trên mạng; bảo vệ trẻ em trên không gian mạng.

16. Phối hợp tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm báo chí, chương trình phát thanh, truyền hình, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa, xuất bản phẩm, tem bưu chính, sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông, đối tượng quyền sở hữu công nghiệp lĩnh vực về thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh.

17. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

18. Hướng dẫn việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Thông tin và Truyền thông quản lý theo quy định của pháp luật; quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc ngành thông tin và truyền thông tại địa phương.

19. Hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ các lĩnh vực về thông tin và truyền thông đối với Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

20. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về dịch vụ công trong các lĩnh vực về thông tin và truyền thông:

a) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách địa phương trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

b) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin và truyền thông thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin và truyền thông thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

21. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc tổ chức công tác thông tin liên lạc phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, phục vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại; thông tin phòng chống giảm nhẹ thiên tai; thông tin về an toàn cứu nạn, cứu hộ và các thông tin khẩn cấp khác trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

22. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư chuyên ngành về thông tin và truyền thông ở địa phương theo các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

23. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, sửa đổi định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) trong lĩnh vực thông tin và truyền thông áp dụng đối với sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý của địa phương; phối hợp tham gia công tác quản lý giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về giá và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

24. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai các dự án, nội dung thành phần về thông tin và truyền thông thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng dẫn của các Bộ và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

25. Tổ chức triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực thuộc các lĩnh vực quản lý ở địa phương.

26. Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng thuộc lĩnh vực được giao quản lý theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

27. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, thực hiện chuyển đổi số, điều tra, thống kê, thu thập dữ liệu xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ trong các lĩnh vực về thông tin và truyền thông và phục vụ sự chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

28. Triển khai thực hiện chương trình cải cách hành chính của Sở Thông tin và Truyền thông theo mục tiêu và chương trình cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh.

29. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và của Bộ Thông tin và Truyền thông; tham gia thực hiện điều tra, thống kê, cung cấp thông tin về các sự kiện, các hoạt động về thông tin và truyền thông theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

30. Thực hiện hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực về thông tin và truyền thông theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

31. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông theo thẩm quyền; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

32. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với



công chức, viên chức và lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

33. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

34. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức**

#### 1. Lãnh đạo Sở

a) Sở Thông tin và Truyền thông có Giám đốc và từ 02 đến 03 Phó Giám đốc.

b) Giám đốc là người đứng đầu Sở, là Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở, giúp Giám đốc Sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được ủy nhiệm thay Giám đốc Sở điều hành các hoạt động của Sở. Phó Giám đốc Sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

d) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Đảng và Nhà nước.

#### 2. Các tổ chức tham mưu, tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Văn phòng Sở;

b) Thanh tra Sở;

c) Phòng Hạ tầng - Chuyên đổi số;

d) Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản.

#### 3. Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở: Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông.

### **Điều 4. Biên chế**

1. Biên chế công chức trong các phòng, tổ chức tham mưu tổng hợp, chuyên môn nghiệp vụ và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hoặc phê duyệt.

2. Việc bố trí công tác đối với công chức, viên chức của Sở Thông tin và Truyền thông căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu ngạch, tiêu chuẩn chức danh, phẩm chất năng lực, sở trường của công chức, viên chức theo quy định.

**Điều 5. Các phòng, tổ chức tham mưu tổng hợp, chuyên môn nghiệp vụ và đơn vị trực thuộc**

#### 1. Văn phòng Sở

a) Chức năng, nhiệm vụ: Là phòng tổng hợp, nghiệp vụ thuộc Sở, tham mưu, giúp Giám đốc Sở điều phối hoạt động của Sở theo chương trình, kế hoạch công tác; công tác tổ chức cán bộ; kế hoạch tổng hợp, tài chính, kế toán; pháp chế; cải cách hành chính; hành chính, quản trị; văn thư, lưu trữ; bảo vệ bí mật Nhà nước; thi đua, khen thưởng; kỷ luật. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở giao.

b) Cơ cấu tổ chức gồm: Chánh Văn phòng, 01 Phó Chánh Văn phòng, công chức chuyên môn, nghiệp vụ và nhân viên.

## 2. Thanh tra Sở

a) Chức năng, nhiệm vụ: Là tổ chức thuộc Sở, tham mưu, giúp Giám đốc Sở tiến hành thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành thông tin và truyền thông trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Sở; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác phòng, chống tham nhũng của Sở. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở giao. Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông có con dấu riêng để hoạt động.

b) Cơ cấu tổ chức gồm: Chánh Thanh tra, Thanh tra viên và công chức khác.

## 3. Phòng Hạ tầng - Chuyển đổi số

a) Chức năng, nhiệm vụ: Là phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở, có chức năng tham mưu, giúp Giám đốc Sở quản lý nhà nước các hoạt động về bưu chính; viễn thông; tần số vô tuyến điện; chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; an toàn thông tin mạng; công nghiệp công nghệ thông tin; thông tin điện tử (trò chơi điện tử) địa bàn tỉnh. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở giao.

b) Cơ cấu tổ chức gồm: Trưởng phòng, từ 01 đến 02 Phó Trưởng phòng, công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

## 4. Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản

a) Chức năng, nhiệm vụ: Là phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở, có chức năng tham mưu, giúp Giám đốc Sở quản lý nhà nước các hoạt động về báo chí; xuất bản, in và phát hành; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; thông tin điện tử; quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở giao.

b) Cơ cấu tổ chức gồm: Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

## 5. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc

Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông có Giám đốc và từ 01 đến 02 Phó Giám đốc. Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Trung tâm có Trưởng phòng, từ 01 đến 02 Phó Trưởng phòng, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ và nhân viên.

## **Điều 6. Trách nhiệm Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở và đơn vị sự nghiệp theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và Quy định này.

2. Sắp xếp, bố trí biên chế, công chức, viên chức của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở, đơn vị sự nghiệp phù hợp với vị trí việc làm, cơ cấu ngạch, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định; bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý các phòng, đơn vị theo đúng quy định và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thực hiện số lượng cấp phó của các tổ chức tham mưu tổng hợp, chuyên môn nghiệp vụ và đơn vị trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

#### **Điều 7. Trách nhiệm phối hợp**

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc có sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Nội vụ đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46 /2023/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 10 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm dịch vụ công thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư 06/2021/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về xây dựng, ban hành định mức kinh tế kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tại Tờ trình số 109/TTr-SNN ngày 27 tháng 6 năm 2023 và Văn bản số 1878/SNN-VP ngày 07 tháng 8 năm 2023).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm dịch vụ công thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 8 năm 2023.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Tấn Hồ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Về xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm dịch vụ công  
thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 46/2023/QĐ-UBND  
ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ công của lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của tỉnh Phú Yên.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ công của lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của tỉnh Phú Yên.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, một số từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản phẩm, dịch vụ công của lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của tỉnh Phú Yên (sau đây gọi là định mức kinh tế - kỹ thuật) là mức hao phí cần thiết về lao động, vật tư, máy móc thiết bị để hoàn thành một sản phẩm, dịch vụ công trong một điều kiện cụ thể (hoặc một khối lượng công việc nhất định) đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn, chất lượng do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Quy trình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công của lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của tỉnh Phú Yên quản lý là trình tự, cách thức thực hiện một sản phẩm, dịch vụ công.

#### **Điều 4. Mục tiêu xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật**

1. Làm căn cứ xác định giá sản phẩm, dịch vụ công lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn nhằm nâng cao hiệu lực, tiết kiệm và hiệu quả.

2. Làm căn cứ để xây dựng và thực hiện kế hoạch, quản lý kinh tế, tài chính và quản lý chất lượng trong hoạt động sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

3. Thúc đẩy xã hội hóa các lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác trong ngành nông nghiệp, tạo môi trường hoạt động bình đẳng giữa các đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập, giữa các tổ chức, cá nhân.

#### **Điều 5. Nguyên tắc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật**

1. Đảm bảo tính đúng, tính đủ, tính phù hợp và hiệu quả để hoàn thành việc thực hiện một sản phẩm, dịch vụ công đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn, chất lượng

theo quy định hiện hành.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở, quy trình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công và quy định của pháp luật về chế độ làm việc của người lao động, các định mức, chi phí áp dụng cho các hoạt động chi tiết quy định tại quy trình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công.

3. Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng theo từng sản phẩm, dịch vụ riêng hoặc nhóm các sản phẩm, dịch vụ tương đồng về nội dung quy trình thực hiện, giống nhau về tính chất, phương tiện và trình tự thực hiện các hạng mục công việc của sản phẩm, dịch vụ công.

4. Đảm bảo mức trung bình tiên tiến, ổn định, thống nhất và có tính kế thừa các định mức kinh tế - kỹ thuật trước đó. Khi có sự thay đổi về công nghệ hoặc các yếu tố khác làm cho định mức không còn phù hợp với yêu cầu thực tiễn thì các tổ chức, cá nhân áp dụng định mức có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xem xét điều chỉnh hoặc xây dựng mới cho phù hợp.

#### **Điều 6. Căn cứ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật**

1. Tiêu chí, tiêu chuẩn kỹ thuật chất lượng dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, quy trình kỹ thuật, quy trình công nghệ, thông số kỹ thuật, yêu cầu cơ bản, năng lực thực hiện, trình độ tổ chức, hạ tầng công nghệ.

2. Quy định pháp luật hiện hành về chế độ làm việc của người lao động.

3. Điều kiện thực tế hoạt động của các đơn vị về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn lực tài chính, đất đai.

4. Số liệu thống kê hàng năm và các tài liệu có liên quan.

5. Tiêu chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật, quy trình xác định định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành và quy định đã ban hành để xác định mức tiêu hao đối với từng công việc hoặc nhóm công việc.

#### **Điều 7. Phương pháp xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật**

Đơn vị chủ trì xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật lựa chọn một hoặc các phương pháp dưới đây:

1. Phương pháp thống kê, tổng hợp

Căn cứ số liệu thống kê hàng năm hoặc trong các kỳ báo cáo (số liệu thống kê phải đảm bảo độ tin cậy, tính pháp lý trong thời gian ba năm liên tục trước thời điểm xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật) và dựa vào kinh nghiệm thực tế hoặc các thông số so sánh để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

2. Phương pháp so sánh

Căn cứ vào các định mức của công việc, sản phẩm tương đương đã thực hiện trong thực tế để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

3. Phương pháp tiêu chuẩn

Căn cứ vào các tiêu chuẩn, quy định của Nhà nước về thời gian lao động, chế độ nghỉ ngơi, mức tiêu hao máy móc, thiết bị để xây dựng định mức lao động, định mức máy móc, thiết bị cho từng công việc hoặc nhóm công việc.

4. Phương pháp phân tích thực nghiệm

Căn cứ kết quả triển khai khảo sát, thực nghiệm theo từng quy trình, nội dung công việc để phân tích, tính toán từng yếu tố cấu thành định mức (lựa chọn những

công việc không xác định được qua ba phương pháp trên hoặc xác định được nhưng chưa chính xác mà cần phải kiểm nghiệm thực tế).

### **Điều 8. Thành phần định mức kinh tế - kỹ thuật**

Thành phần định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm:

#### 1. Định mức lao động

Định mức lao động = Định mức lao động trực tiếp + Định mức lao động gián tiếp, trong đó:

a) Định mức lao động trực tiếp là hao phí lao động (quy đổi ra ngày công) hoàn thành một đơn vị sản phẩm, dịch vụ công;

b) Định mức lao động gián tiếp là định mức lao động quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ.

#### 2. Định mức vật tư

Nội dung định mức vật tư xây dựng gồm:

a) Xác định danh mục, chủng loại vật tư, vật liệu cần thiết để hoàn thành theo từng nội dung công việc tạo ra một đơn vị sản phẩm, dịch vụ công;

b) Xác định số lượng/khối lượng theo từng loại vật tư, căn cứ vào chủng loại thiết bị, thời gian máy chạy có tải (tiêu hao vật tư);

c) Xác định tỷ lệ (%) thu hồi vật tư, căn cứ vào đặc điểm, tính chất của vật tư để tính tỷ lệ (%) thu hồi;

d) Xác định yêu cầu kỹ thuật cơ bản của vật tư, mô tả thông số kỹ thuật của từng loại vật tư phù hợp để thực hiện một sản phẩm, dịch vụ công.

#### 3. Định mức máy móc, thiết bị

Định mức máy móc, thiết bị là thời gian cần thiết đối với từng loại máy móc, thiết bị để hoàn thành việc thực hiện một sản phẩm, dịch vụ công đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Trong đó gồm:

a) Xác định danh mục, chủng loại máy móc, thiết bị. Đối với các máy móc, thiết bị có tiêu hao điện hoặc nhiên liệu cần được xác định công suất tiêu hao của từng loại máy móc thiết bị.

b) Xác định thông số kỹ thuật cơ bản của máy móc, thiết bị.

c) Xác định thời gian sử dụng từng chủng loại máy móc, thiết bị: Thời gian máy chạy có tải (tiêu hao vật tư, điện năng, nhiên liệu trong thời gian sử dụng); thời gian máy chạy không tải (không tiêu hao vật tư).

#### 4. Định mức khác (nếu có).

Tùy theo từng nội dung khác phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ sự nghiệp công để xác định định mức cho phù hợp.

## **Chương II**

### **QUY TRÌNH XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VÀ BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

#### **Điều 9. Trình tự xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật**

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc sở, giao nhiệm vụ cho các đơn vị có trách nhiệm tổ chức xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật cho từng sản phẩm, dịch vụ công được cơ quan có thẩm quyền ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà

nước thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước, gồm các bước sau:

1. Thành lập Tổ soạn thảo xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

a) Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành lập Tổ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật cho từng dịch vụ sự nghiệp công

b) Thành phần của Tổ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật đối với từng dịch vụ sự nghiệp công có 05 hoặc 07 thành viên. Tùy thuộc vào khối lượng công việc, cơ quan tổ chức xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật quyết định thành viên của Tổ.

Tổ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật gồm: Tổ trưởng, Tổ phó, các tổ viên, trong đó có 01 (một) tổ viên kiêm Thư ký.

2. Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Đơn vị được giao xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật có trách nhiệm chỉ đạo Tổ soạn thảo định mức kinh tế - kỹ thuật: Xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật theo danh mục sự nghiệp công của đơn vị, dự thảo Tờ trình; dự thảo Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật (định mức kinh tế - kỹ thuật được ban hành kèm theo phụ lục tại Quy định này); tổ chức cuộc họp, thảo luận, khảo sát (trong trường hợp cần thiết) để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

3. Lấy ý kiến lần 01 (một) đối với các cơ quan chuyên môn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sau đó tổng hợp, tiếp thu giải trình các ý kiến và hoàn chỉnh Dự thảo định các mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm dịch vụ công, Dự thảo Tờ trình, Dự thảo Quyết định lần 01; tổ chức lấy ý kiến lần 02 (hai) hoặc lấy ý kiến các chuyên gia độc lập (nếu cần thiết).

4. Tổ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật hoàn thiện các Dự thảo trình Hội đồng thẩm định định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định tại Điều 10 Quy định này; tiếp thu, giải trình các ý kiến thẩm định.

#### **Điều 10. Thẩm định định mức kinh tế - kỹ thuật**

1. Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng thẩm định cơ sở để thẩm định các định mức kinh tế kỹ thuật gồm 07 đến 09 thành viên: 01 Chủ tịch Hội đồng (đại diện lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), 01 Phó Chủ tịch (là đại diện lãnh đạo đơn vị được giao chủ trì xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật), ủy viên Hội đồng (đại diện Văn phòng Sở, Phòng Kế hoạch, Tài chính sở (gồm bộ phận chuyên môn và bộ phận tài chính) và các đơn vị có liên quan).

2. Hồ sơ trình Hội đồng thẩm định gửi cho các thành viên Hội đồng tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng, gồm: Dự thảo các định mức kinh tế - kỹ thuật, dự thảo Tờ trình; dự thảo Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật; bảng tổng hợp tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân có liên quan; các tài liệu khác (nếu có).

3. Hội đồng thẩm định cơ sở có nhiệm vụ tư vấn cho Thủ trưởng đơn vị chủ trì và Tổ soạn thảo xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật để hoàn thiện các định mức kinh tế - kỹ thuật, dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật.

4. Họp Hội đồng thẩm định cơ sở:

a) Cuộc họp của Hội đồng thẩm định được tiến hành khi có ít nhất hai phần



ba số lượng thành viên trong Hội đồng. Các thành viên Hội đồng thảo luận, đánh giá chất lượng của dự thảo Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật bằng phương pháp bỏ phiếu kín theo các mức sau:

Mức 1: Đạt yêu cầu đề nghị ban hành;

Mức 2: Đạt yêu cầu nhưng phải chỉnh sửa trước khi đề nghị ban hành;

Mức 3: Không đạt yêu cầu phải xây dựng lại.

b) Chủ tịch Hội đồng thẩm định tổng hợp các ý kiến của các thành viên Hội đồng và kết luận về chất lượng của dự thảo Định mức kinh tế - kỹ thuật, dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trên cơ sở đồng thuận của đa số thành viên Hội đồng (theo một trong ba mức quy định trên).

5. Cơ quan chủ trì và Tổ soạn thảo định mức kinh tế - kỹ thuật có trách nhiệm chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ các dự thảo: Định mức kinh tế - kỹ thuật, Tờ trình, Quyết định. Trường hợp, định mức kinh tế - kỹ thuật cần phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì phải tiến hành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

#### **Điều 11. Tổ chức thực hiện**

Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm dịch vụ công thuộc chuyên ngành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Chỉ đạo Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hàng năm, rà soát danh mục định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm dịch vụ công thuộc chuyên ngành của đơn vị để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên sản phẩm, dịch vụ ban hành định mức trong hoạt động .....**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:46 /2023/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

**Phần I. Thông tin về định mức kinh tế - kỹ thuật (ĐM KT-KT):**

1. Thông tin chung:
2. Mã dịch vụ sự nghiệp công:

**Phần II. Nội dung định mức kinh tế – kỹ thuật**

**I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG**

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>I</b>	<b>Định mức lao động trực tiếp</b>		
1	Định mức công của lao động có chuyên môn		
	Trình độ....	.....	
	.....	.....	
2	Định mức công của lao động phổ thông		
	Bậc...	.....	
	.....	.....	
<b>II</b>	<b>Định mức lao động gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)</b>	.....	
	Trình độ....		
	...		

**II. ĐỊNH MỨC MÁY MÓC, THIẾT BỊ**

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Định mức máy móc, thiết bị		
1.1	Thiết bị 1		
1.2	Thiết bị 2		
	...		

**III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ**

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư		
				Sử dụng	Tỷ lệ (%) thu hồi	Tiêu hao
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Vật tư 1					
2	Vật tư 2					
	...					

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47 /2023/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 07 tháng 9 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn  
và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính  
phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp  
luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính  
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng  
5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành  
văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính  
phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành  
phố trực thuộc trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính  
phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04  
tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc  
Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Bộ  
trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn  
của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh , cấp  
huyện;*

*Theo đề nghị của Ban Dân tộc tại Tờ trình số 23/TTr-BDT ngày 15 tháng 8  
năm 2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 19 tháng 9 năm 2023 và thay thế Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Phú

Yên về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên và Quyết định số 56/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Phú Yên về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Phú Yên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Tạ Anh Tuấn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên**

*(Kèm theo Quyết định số: 47/2023/QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

## **Chương I**

### **VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN**

#### **Điều 1. Vị trí và chức năng**

1. Ban Dân tộc là cơ quan chuyên môn ngang Sở thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác dân tộc và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ban Dân tộc có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

#### **Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Ban hành các Quyết định thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

- Quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án và chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về lĩnh vực công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh.

- Phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc cho Ban Dân tộc và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc.

- Thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công về lĩnh vực công tác dân tộc và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

b) Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về lĩnh vực công tác dân tộc đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị của địa phương theo quy định của Đảng, pháp luật và chỉ đạo của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực quản lý nhà nước của Ban Dân tộc.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về công tác dân tộc đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, đề án, dự án do Ủy ban Dân tộc chủ trì, quản lý, chỉ đạo; các chính sách, đề án, công tác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao; theo dõi, tổng hợp, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc ở địa phương; tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp để giải quyết công tác xóa đói, giảm nghèo, định canh, định cư, di cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số và công tác khác liên quan đến chính sách dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

5. Tham mưu, tổ chức đón, tiếp, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ chính sách và quy định của pháp luật; định kỳ tham mưu tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp của tỉnh; khen thưởng và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc trong công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc, lao động sản xuất, xóa đói, giảm nghèo; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; giữ gìn an ninh, trật tự góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

6. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xác định xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo trình độ phát triển; các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; quyết định công nhận, bổ sung hoặc đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số đúng trình tự, thủ tục theo các quy định hiện hành và tổ chức thực hiện chính sách đối với người có uy tín.

7. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân tộc đối với Phòng Dân tộc cấp huyện và công chức được bố trí làm công tác dân tộc đối với các huyện chưa đủ điều kiện thành lập Phòng Dân tộc và công chức giúp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

8. Thực hiện hợp tác quốc tế về công tác dân tộc và các lĩnh vực được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

10. Thực hiện công tác kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các lĩnh vực công tác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ban Dân tộc; xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm trong lĩnh vực công tác được giao theo quy định của pháp luật.

11. Tiếp nhận những kiến nghị của công dân liên quan đến dân tộc, thành phần dân tộc, tên gọi, phong tục, tập quán các dân tộc thiểu số, xem xét giải quyết hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

12. Tham gia, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan thẩm định các dự án, đề án do các Sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức xây dựng có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác dân tộc và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

13. Phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan thực hiện quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng hợp lý đội ngũ công chức, viên chức dân tộc thiểu số làm việc tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và công chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại Ủy ban nhân dân cấp xã, bảo đảm hợp lý cơ cấu tỷ lệ thành phần dân tộc trên địa bàn; xây dựng và tổ chức thực hiện đề án ưu tiên tuyển dụng sinh viên dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp các Trường Đại học, Cao đẳng vào làm việc tại cơ quan nhà nước ở địa phương.

14. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị có liên quan trong việc cử tuyển học sinh dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh vào các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, dân tộc nội trú theo quy định; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức biểu dương, tuyên dương giáo viên; học sinh, sinh viên tiêu biểu, xuất sắc là người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

15. Quản lý tổ chức bộ máy; vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức và số lượng người làm việc trong cơ quan thuộc Ban Dân tộc; thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng và các chế độ, chính sách khác đối với công chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Dân tộc theo quy định và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

16. Thực hiện công tác thống kê, công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Dân tộc.

17. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

18. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

## **Chương II** **CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ**

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức**

#### **1. Lãnh đạo Ban**

a) Ban Dân tộc có Trưởng Ban và 02 Phó Trưởng Ban.

b) Trưởng Ban là Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu, là người đứng đầu Bando Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Dân tộc tỉnh và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Phó Trưởng Ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh, giúp Trưởng Ban thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Trưởng Ban phân công và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng Ban vắng mặt, một Phó Trưởng Ban được Trưởng ban ủy nhiệm thay Trưởng Ban điều hành các hoạt động của Ban Dân tộc tỉnh.

d) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

đ) Việc miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách đối với Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

e) Căn cứ quy định về phân cấp quản lý tổ chức cán bộ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức trực thuộc Ban theo tiêu chuẩn chức danh theo đúng quy định của Đảng, pháp luật của nhà nước và theo phân cấp quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị trực thuộc Ban, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.

2. Các tổ chức tham mưu, tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Văn phòng Ban.

b) Phòng Nghiệp vụ.

#### **Điều 4. Biên chế**

1. Biên chế công chức trong các tổ chức tham mưu tổng hợp, chuyên môn nghiệp vụ của Ban được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt theo quy định của pháp luật.

2. Việc bố trí công tác đối với công chức, người lao động của Ban phải căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu ngạch, tiêu chuẩn chức danh, phẩm chất, năng lực, sở trường của công chức, người lao động theo quy định.

#### **Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các tổ chức tham mưu, tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban**

1. Văn phòng Ban

a) Chức năng

Văn phòng Ban có chức năng tham mưu, giúp Trưởng Ban điều phối hoạt động của Ban theo chương trình, kế hoạch công tác; thực hiện công tác: tổ chức, cán bộ; kế hoạch tổng hợp, tài chính, kế toán; pháp chế; cải cách hành chính; hành chính, quản trị; công nghệ thông tin, văn thư, lưu trữ; bảo vệ bí mật Nhà nước; thi đua, khen thưởng; kỷ luật.

b) Nhiệm vụ

Tham mưu, thực hiện công tác tổ chức cán bộ: Xây dựng các đề án, chương trình, kế hoạch, quyết định về công tác tổ chức, cán bộ; theo dõi, nhận xét, đánh giá công chức hàng năm và theo quy định; công tác quy hoạch; đào tạo, bồi dưỡng; tiếp nhận, tuyển dụng công chức; tuyển chọn, ký kết hợp đồng lao động; bổ nhiệm, miễn nhiệm; điều động, luân chuyển; xếp lương, nâng lương; thi đua, khen thưởng, kỷ luật và các quy định khác về công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của Trưởng Ban Dân tộc.



Tham mưu trong công tác quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm; xây dựng kế hoạch biên chế hàng năm, tổ chức thực hiện kế hoạch biên chế theo quy định.

Tham mưu thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính; chủ trì việc rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính; tổ chức thực hiện công tác pháp chế theo quy định; tổ chức thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan.

Tổ chức thực hiện công tác hành chính, văn thư, lưu trữ và cung cấp thông tin, tài liệu, thực hiện các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong cơ quan. Là đầu mối tiếp nhận, xử lý, phân loại và chuyển phát các văn bản đi, đến, thực hiện in ấn, sao chụp và phát hành các văn bản; quản lý, sử dụng con dấu của Ban Dân tộc theo quy định.

Giúp Trưởng Ban thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Tổ chức, thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở trong hoạt động của Ban Dân tộc.

Quản lý các nguồn kinh phí được phân bổ cho Ban Dân tộc; quản lý và đảm bảo cơ sở vật chất, tài sản, phương tiện đi lại, trang thiết bị và điều kiện làm việc của cơ quan. Lập kế hoạch hằng năm và tổ chức thực hiện việc mua sắm, sửa chữa các phương tiện, vật tư kỹ thuật và các trang thiết bị khác phục vụ cho hoạt động của Ban.

Tổ chức thực hiện công tác thường trực, bảo vệ; phòng cháy và chữa cháy; công tác quân sự địa phương, dân quân tự vệ của Ban theo quy định; công tác vệ sinh môi trường và bảo đảm cảnh quan trong cơ quan.

Thực hiện tiếp khách, hiếu, hỷ theo quy định. Chịu trách nhiệm khánh tiết trong các ngày lễ, kỷ niệm, hội nghị; định kỳ tham mưu tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp của tỉnh.

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Ban Dân tộc giao.

c) Cơ cấu tổ chức: Chánh Văn phòng, 01 Phó Chánh Văn phòng, công chức chuyên môn, nghiệp vụ, nhân viên và người lao động.

## 2. Phòng Nghiệp vụ

### a) Chức năng

Phòng Nghiệp vụ là phòng chuyên môn thuộc Ban Dân tộc, có chức năng tham mưu, giúp Trưởng Ban thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh theo quy định pháp luật.

### b) Nhiệm vụ

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Trưởng Ban xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật; trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản về chính sách dân tộc thuộc thẩm quyền. Tham mưu, giúp Trưởng Ban xây dựng chủ trương, biện pháp và tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ban Dân tộc.

Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, đề án, dự án do Ủy ban Dân tộc chủ trì, quản lý, chỉ đạo; các chính sách, đề án, công tác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao; theo dõi, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện các

chương trình, dự án, chính sách dân tộc ở địa phương; thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật ; tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp để giải quyết công tác xóa đói, giảm nghèo đối với đồng bào dân tộc thiểu số và công tác khác liên quan đến chính sách dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

Tham mưu, giúp Trưởng Ban tổ chức thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của người có uy tín, đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ chính sách và quy định của pháp luật.

Thực hiện công tác thống kê, công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Ban Dân tộc giao.

c) Cơ cấu tổ chức: Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 6. Trách nhiệm của Trưởng Ban Dân tộc**

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban theo hướng dẫn chung của Ủy ban Dân tộc quản lý ngành, lĩnh vực và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công, phân cấp hoặc uỷ quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 7. Trách nhiệm phối hợp**

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc cần sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc, Ban Dân tộc chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1009/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 04 tháng 8 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh  
về tiêu chuẩn máy móc, thiết bị chuyên dùng đã được ban hành**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;*

*Căn cứ Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh quy định phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị và địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Yên;*

*Căn cứ Nghị quyết số 180/NQ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh về các nội dung trình xin ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2032/TTr-STC ngày 20 tháng 7 năm 2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau đây:

1. Bãi bỏ Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các tổ chức, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh;

2. Bãi bỏ Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh;

3. Bãi bỏ Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế của các đơn vị sự nghiệp y tế thuộc phạm vi tỉnh quản lý;

4. Bãi bỏ Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế của các đơn vị sự nghiệp y tế thuộc phạm vi tỉnh quản lý.

\*Lý do: Thực hiện theo Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh quy định phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị và địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Yên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hồ Thị Nguyên Thảo**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 884 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 13 tháng 7 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước, Kinh doanh khí, An toàn thực phẩm và hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 28 /TTr-SCT ngày 05/7/2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 26 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước; Kinh doanh khí; An toàn thực phẩm và hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương được Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 05/01/2022; Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 23/02/2022.

**Điều 2.** Sở Công Thương có trách nhiệm:

- Cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành).

- Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền và niềm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hồ Thị Nguyên Thảo**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC  
LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC, KINH DOANH KHÍ, AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ  
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:884 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG:**

TT	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước</b>					
1	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	- Phí thẩm định theo quy định tại thông tư 44/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính được áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023, mức phí như sau: + Khu vực thành phố, thị xã: Đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. Đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; + Khu vực khác: Đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. Đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Từ ngày 01/01/2024 mức phí thẩm định thực hiện theo quy định tại	-Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp; được áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023	- Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.puyen.gov.vn">http://dichvucong.puyen.gov.vn</a>			
3	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.				

				<p>Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính được áp dụng cụ thể như sau:</p> <p>+ Khu vực thành phố, thị xã: đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định, đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định;</p> <p>+ Khu vực khác: đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định, đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p>		
4	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	<p>- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.</p> <p>- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.puyen.gov.vn">http://dichvucong.puyen.gov.vn</a></p>	<p>- Phí thẩm định theo quy định tại thông tư 44/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính được áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023, mức phí như sau:</p> <p>+ Khu vực thành phố, thị xã 600.000 đồng /điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p> <p>+ Khu vực huyện: 300.000 đồng /điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p> <p>- Từ ngày</p>	<p>-Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp; được áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023</p>	<p>- Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương</p>



				01/01/2024 mức phí thẩm định thực hiện theo quy định tại Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính được áp dụng cụ thể như sau: + Tại thành phố và các thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.		
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.. - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.phuyen.gov.vn">http://dichvucong.phuyen.gov.vn</a>	- Phí thẩm định theo quy định tại thông tư 44/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính được áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023, mức phí như sau: + Khu vực thành phố, thị xã 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Khu vực huyện: 300.000 đồng /điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Từ ngày 01/01/2024 mức phí thẩm định thực hiện theo quy định tại Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính được áp dụng cụ thể như sau: +Tại thành phố và các thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Tại các	-Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp; được áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023	- Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương
6	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá					

				huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.		
7	Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hung Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.phuyen.gov.vn">http:// dichvucong.p huyen.gov.vn</a>	- Phí thẩm định theo quy định tại thông tư 44/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính được áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023, mức phí như sau: + Khu vực thành phố, thị xã: Đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. Đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; + Khu vực khác: Đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. Đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Từ ngày 01/01/2024 mức phí thẩm định thực hiện theo quy định tại Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính được áp dụng cụ thể như sau: + Khu vực thành phố, thị xã: đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức,	-Thông tư số 44/2023/TT- BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp; được áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023	- Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương
8	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá					
9	Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá					

				<p>doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định, đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định;</p> <p>+ Khu vực khác: đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định, đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p>		
10	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	- Phí thẩm định theo quy định tại thông tư 44/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính được áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023, mức phí như sau: + Khu vực thành phố, thị xã: Đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Khu vực khác: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	-Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp; được áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023	- Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 2729/QĐ-BCT ngày 03/12/2021 của Bộ Công Thương
11	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.phuyen.gov.vn">http://dichvucong.phuyen.gov.vn</a>	+ Khu vực khác: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.		
12	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.		- Từ ngày 01/01/2024 mức phí thẩm định thực hiện theo quy định tại Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính		

				<p>được áp dụng cụ thể như sau:</p> <p>+ Khu vực thành phố, thị xã: Đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định.</p> <p>+ Khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định.</p>		
13	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	- Phí thăm định theo quy định tại thông tư 44/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính được áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023, mức phí như sau:	-Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp; được áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023	- Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 2729/QĐ-BCT ngày 03/12/2021 của Bộ Công Thương
14	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.phuyen.gov.vn">http://dichvucong.phuyen.gov.vn</a>	+ Khu vực thành phố, thị xã: Đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định.		
15	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.		+ Khu vực khác: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định.		
				- Từ ngày 01/01/2024 mức phí thăm định thực hiện theo quy định tại Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính được áp dụng cụ thể như sau:		
				+ Khu vực thành phố, thị xã: Đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh		

				doanh/lần định. + Khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.		
16	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hung Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.p&lt;br/&gt;huyen.gov.vn">http:// dichvucong.p huyen.gov.vn</a>	- Phí thẩm định theo quy định tại thông tư 44/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính được áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023, mức phí như sau: + Khu vực thành phố, thị xã: Đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Khu vực khác: Đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Từ ngày 01/01/2024 mức phí thẩm định thực hiện theo quy định tại Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính được áp dụng cụ thể như sau: + Khu vực thành phố, thị xã: Đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng /điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm	-Thông tư số 44/2023/TT- BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp; được áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023	- Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 2729/QĐ-BCT ngày 03/12/2021 của Bộ Công Thương
17	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu					
18	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu					

19	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	<p>- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.</p> <p>- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.phuyen.gov.vn">http://dichvucong.phuyen.gov.vn</a></p>	<p>định.</p> <p>- Phí thẩm định theo quy định tại thông tư 44/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính được áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023, mức phí như sau:</p> <p>+ Khu vực thành phố, thị xã: Đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p> <p>+ Khu vực khác: Đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p> <p>- Từ ngày 01/01/2024 mức phí thẩm định thực hiện theo quy định tại Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính được áp dụng cụ thể như sau:</p> <p>+ Khu vực thành phố, thị xã: Đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p> <p>+ Khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p>	<p>-Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp; được áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023</p>	<p>- Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 2729/QĐ-BCT ngày 03/12/2021 của Bộ Công Thương</p>
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Kinh doanh khí</b>					
20	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên,	- Phí thẩm định theo quy định tại thông tư 44/2023/TT-BTC	-Thông tư số	

	kinh doanh mua bán LPG	sơ.	tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	của Bộ Tài chính được áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023, mức phí như sau: + Khu vực thành phố, thị xã: Đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. Đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định + Khu vực khác: Đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. Đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Từ ngày 01/01/2024 mức phí thẩm định thực hiện theo quy định tại Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính được áp dụng cụ thể như sau: + Khu vực thành phố, thị xã: Đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. Đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000	44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp; được áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023	- Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương
21	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG					
22	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG					

				<p>đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định;</p> <p>+ Khu vực khác: Đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. Đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định</p>		
<b>III Lĩnh vực An toàn thực phẩm</b>						
23	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	<p>- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.</p> <p>- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.phuyen.gov.vn">http://dichvucong.phuyen.gov.vn</a></p>	<p>- Phí thẩm định theo quy định tại Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ Tài chính được áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023, mức phí như sau:</p> <p>Bằng 90% mức thu phí quy định tại Biểu phí trong công tác an toàn thực phẩm ban hành kèm theo Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm ,mức phí như sau:</p> <p>+ Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm: 900.000 đồng/lần/cơ sở.</p> <p>+ Đối với cơ sở sản xuất (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh, trừ cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe) 2.250.000</p>	<p>-Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp; được áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023</p>	<p>- Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương</p>
24	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện					



				<p>đồng/lần/cơ sở.</p> <p>- Từ ngày 01/01/2024 mức phí thẩm định thực hiện theo Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm, mức phí như sau:</p> <p>+ Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.</p> <p>+ Đối với cơ sở sản xuất (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh, trừ cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe) 2.500.000 đồng/lần/cơ sở.</p>		
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Hoạt động xây dựng</b>					
25	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	<p>- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.</p> <p>- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.puyen.gov.vn">http://dichvucong.puyen.gov.vn</a></p>	<p>- Phí Thẩm định theo quy định tại Thông tư số 44/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ Tài Chính được áp dụng từ ngày 01/7/2023, đến hết ngày 31/12/2023, mức phí như sau:</p> <p>+ Bảng 50% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, phí thẩm định dự toán xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử</p>	<p>-Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp; được áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023</p>	<p>- Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 477/QĐ-BXD ngày 29/4/2021 của Bộ Xây dựng</p>

				<p>dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.</p> <p>- Từ ngày 01/01/2024, mức phí thẩm định thực hiện theo theo Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.</p>		
26	<p>Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng /điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng</p>	<p>- Đối với dự án nhóm B: Không quá 25 ngày</p> <p>- Đối với dự án nhóm C: Không quá 15 ngày</p>	<p>- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.</p> <p>- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.phuyen.gov.vn">http://dichvucong.phuyen.gov.vn</a></p>	<p>- Phí Thẩm định theo quy định tại Thông tư số 44/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ Tài Chính được áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023, mức phí như sau:</p> <p>+ Bằng 50% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng hoặc phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) ban hành kèm theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.</p> <p>- Từ ngày 01/01/2024, mức phí thẩm định thực hiện theo theo Thông tư</p>	<p>-Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp; được áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023</p>	<p>- Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 477/QĐ-BXD ngày 29/4/2021 của Bộ Xây dựng</p>

				số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.		
--	--	--	--	--	--	--

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 895/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 13 tháng 7 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi,  
bổ sung trong lĩnh vực quỹ xã hội, quỹ từ thiện thuộc  
thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;*

*Căn cứ Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền quản lý nhà nước đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 388/TTr-SNV ngày 06/7/2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này là Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quỹ xã hội, quỹ từ thiện thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

**Điều 2.** Sở Nội vụ có trách nhiệm cập nhật thủ tục hành chính tại Điều 1 của Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo Quyết định công bố trên; niêm yết, công khai thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và trên trang thông tin điện tử của địa phương.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến ngày 31/5/2026.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Tạ Anh Tuấn**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC QUỸ XÃ HỘI, QUỸ TỪ THIỆN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 895 /QĐ-UBND ngày 13 /7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Đối tượng áp dụng	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trình tự thực hiện
1	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố hoặc trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh: <a href="https://dichvucong.phuyen.gov.vn">https://dichvucong.phuyen.gov.vn</a>	Không	<p>- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP.</p> <p>- Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP thuộc phạm vi nhà nước của Bộ Nội vụ.</p> <p>- Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền quản lý nhà nước đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn.</p>	<p>Bước 1: Ban sáng lập quỹ lập hồ sơ xin thành lập và công nhận điều lệ quỹ gửi đến Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.</p> <p>Bước 2: Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp.</p> <p>Bước 3: Phòng Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến góp ý (nếu có).</p> <p>Bước 4: Trong thời hạn 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố xem xét, quyết định cho phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p> <p><i>(Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1109/QĐ-BNV</i></p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Đối tượng áp dụng	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trình tự thực hiện
							ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ).
2	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố hoặc trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh: <a href="https://dichvucong.phuyen.gov.vn">https://dichvucong.phuyen.gov.vn</a>	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện. - Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP. - Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ. - Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền quản lý nhà nước đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn.	- Bước 1: Sau khi hoàn tất các thủ tục công bố về việc thành lập quỹ và chuyển quyền sở hữu tài sản đóng góp thành lập quỹ, Hội đồng quản lý quỹ gửi hồ sơ đề nghị công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ gửi đến UBND huyện, thị xã, thành phố. - Bước 2: Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp. - Bước 3: Phòng Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến góp ý (nếu có). - Bước 4: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố xem xét, quyết định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Đối tượng áp dụng	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trình tự thực hiện
							<p>công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p> <p>(<i>Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.</i>)</p>
3	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố hoặc trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh: <a href="https://dichvucong.phuyen.gov.vn">https://dichvucong.phuyen.gov.vn</a>	Không	<p>- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP.</p> <p>- Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.</p>	<p>Bước 1: Trong quá trình hoạt động nếu có sự thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ, gửi thành viên Hội đồng quản lý quỹ lập hồ sơ đề nghị công nhận thành viên Hội đồng quản lý gửi đến Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.</p> <p>Bước 2: Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp.</p> <p>Bước 3: Phòng Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến</p>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Đối tượng áp dụng	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trình tự thực hiện
						<p>- Quyết định 694/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền quản lý nhà nước đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn.</p>	<p>góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến góp ý (nếu có).                      - Bước 4: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố xem xét, quyết định công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.  <i>(Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ).</i></p>
4	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố hoặc trực tiếp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.	Không	<p>- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định</p>	<p>- Bước 1: Trong quá trình hoạt động nếu có sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ, Hội đồng quản lý quỹ lập hồ sơ đề nghị thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ, gửi đến Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.                      - Bước 2: Sau khi tiếp nhận hồ sơ,</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Đối tượng áp dụng	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trình tự thực hiện
				<a href="https://dichvucong.phuyen.gov.vn">https://dichvucong.phuyen.gov.vn</a>		<p>93/2019/NĐ-CP. - Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.</p> <p>- Quyết định 694/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền quản lý nhà nước đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn.</p>	<p>cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp.</p> <p>Bước 3: Phòng Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến góp ý (nếu có).</p> <p>Bước 4: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố xem xét, quyết định cho phép thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p> <p><i>(Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ).</i></p>
5	Thủ tục cấp lại giấy phép	15 ngày làm việc kể từ	Quỹ xã hội, quỹ từ thiện do	Bộ phận tiếp nhận	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP	- Bước 1: Khi giấy phép thành lập và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Đối tượng áp dụng	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trình tự thực hiện
	Thành lập và công nhận điều lệ quỹ	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn.	Và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố hoặc nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh: <a href="https://dichvucong.phuyen.gov.vn">https://dichvucong.phuyen.gov.vn</a>		ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện. - Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP. - Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ. - Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền quản lý nhà nước đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn.	công nhận điều lệ quỹ bị mất, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, quỹ có đơn đề nghị cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ gửi đến UBND huyện, thị xã, thành phố. - Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn đầy đủ và hợp pháp, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố xem xét, quyết định cho phép cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ, trong đó ghi rõ số lần cấp lại và số giấy phép thành lập đã cấp trước đây. <i>(Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ).</i>
6	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ hoạt động	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố hoặc	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện. - Thông tư số	- Bước 1: Trong thời hạn quỹ bị đình chỉ hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nếu quỹ khác phục được

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Đối tượng áp dụng	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trình tự thực hiện
			xã, thành phố và xã, phường, thị trấn.	nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh: <a href="https://dichvucong.phuyen.gov.vn">https://dichvucong.phuyen.gov.vn</a>		04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP. - Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ. - Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền quản lý nhà nước đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn.	sai phạm, Hội đồng quản lý quỹ lập hồ sơ đề nghị được hoạt động trở lại gửi đến UBND huyện, thị xã, thành phố. - Bước 2: Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp. - Bước 3: Phòng Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến góp ý (nếu có). - Bước 4: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố xem xét, quyết định cho phép quỹ hoạt động trở lại. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. <i>(Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Đối tượng áp dụng	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trình tự thực hiện
							số 93/2019/NĐ-CP thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ).
7	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố hoặc xã, phường, thị trấn.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố hoặc quận, huyện, thị trấn.	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện. - Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP. - Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ. - Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền quản lý nhà nước đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn.	- Bước 1: Quỹ lập hồ sơ đề nghị hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ gửi đến UBND huyện, thị xã, thành phố. - Bước 2: Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp. - Bước 3: Phòng Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến góp ý (nếu có). - Bước 4: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố xem xét, quyết định cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. <i>(Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Đối tượng áp dụng	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trình tự thực hiện
							thực hiện theo Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ).
8	Thủ tục đổi tên quỹ	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố hoặc nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh: <a href="https://dichvucong.phuyen.gov.vn">https://dichvucong.phuyen.gov.vn</a>	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện. - Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP. - Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ. - Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền quản lý nhà nước đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động trong huyện,	- Bước 1: Hội đồng quản lý quỹ lập hồ sơ đề nghị đổi tên quỹ gửi đến UBND huyện, thị xã, thành phố. - Bước 2: Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp. - Bước 3: Phòng Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến góp ý (nếu có). - Bước 4: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp, Chủ tịch huyện, thị xã, thành phố xem xét, quyết định cấp lại giấy phép về việc đổi tên quỹ. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Đối tượng áp dụng	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trình tự thực hiện
						thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn.	và nêu rõ lý do. ( <i>Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.</i> )
9	Thủ tục tự giải thể quỹ	15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hạn ghi trong thông báo thanh toán nợ và thanh lý tài sản, tài chính của quỹ khi tự giải thể mà không có đơn khiếu nại.	Quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa phương, thành phố hoặc xã, phường, thị trấn.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố hoặc thị trấn. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh: <a href="https://dichvucong.phuyen.gov.vn">https://dichvucong.phuyen.gov.vn</a>	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện. - Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP. - Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ. - Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền quản lý nhà nước	- Bước 1: Hội đồng quản lý quỹ lập hồ sơ đề nghị giải thể quỹ gửi đến UBND huyện, thị xã, thành phố. - Bước 2: Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp. - Bước 3: Phòng Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến góp ý (nếu có). - Bước 4: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn ghi trong thông báo thanh toán nợ và thanh lý tài sản, tài chính của quỹ khi tự giải thể mà

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Đối tượng áp dụng	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trình tự thực hiện
						đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn.	không có đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố xem xét, quyết định giải thể và thu hồi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ. <i>(Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ).</i>



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 905 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 14 tháng 7 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải**

#### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 701/QĐ-BGTVT ngày 09/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 61/TTr-SGTVT ngày 19/6/2023.*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải (*kèm theo Danh mục*).

**Điều 2:** Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm:

- Cập nhật, công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh theo đúng quy định (*chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành*);

- Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền và niềm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
Lê Tấn Hồ**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC  
ĐĂNG KIỂM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số:905 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

TT	Số hồ sơ TTHC	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi thủ tục hành chính	Ghi chú
1	1.001322	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, nếu hồ sơ đầy đủ và phù hợp theo quy định, Sở Giao thông vận tải thông báo cho tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm về thời gian kiểm tra, đánh giá thực tế đơn vị đăng kiểm;</li> <li>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá, Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra, đánh giá thực tế;</li> <li>- Nếu kết quả kiểm tra, đánh giá đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới trong thời hạn 05 ngày làm việc; nếu kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu thì Sở Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc để tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm khác phục và tiến hành kiểm tra, đánh giá lại.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.</li> <li>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.</li> <li>- Nộp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.phuyen.gov.vn">https://dichvucong.phuyen.gov.vn</a></li> </ul>	Không có.	- Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 701/QĐ-BGTVT ngày 09/6/2023 của Bộ Giao thông vận tải
2	1.001296	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới bị mất, bị hỏng: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị;</li> <li>- Trường hợp đơn vị đăng kiểm xe cơ giới có sự thay đổi về vị trí, mặt bằng, xưởng kiểm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.</li> </ul>	Không có.	Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 139/2018/N	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 701/QĐ-

		<p>định, bố trí dây chuyền kiểm định khác với hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đã được cấp hoặc thay đổi về thiết bị kiểm tra làm ảnh hưởng đến số lượng dây chuyền kiểm định được hoạt động:</p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, Sở Giao thông vận tải thực hiện kiểm tra, đánh giá nội dung thay đổi.</p> <p>+ Nếu đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới trong thời hạn 05 ngày làm việc; nếu kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu thì Sở Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc để đơn vị đăng kiểm khắc phục và tiến hành kiểm tra, đánh giá lại</p>	<p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Nộp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.phuyen.gov.vn">https://dichvucong.phuyen.gov.vn</a></p>	<p>Đ-CP ngày 08/10/2018 của chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới</p>	<p>BGTVT ngày 09/6/2023 của Bộ Giao thông vận tải</p>
--	--	--	---	---	---

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 909 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 17 tháng 7 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 706/QĐ-BTP ngày 09/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực luật sư, lĩnh vực công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 38/TTr-STP ngày 05/6/2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp đã được công bố tại Quyết định số 956/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên.

**Điều 2.** Sở Tư pháp có trách nhiệm cập nhật thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền và niêm yết, công khai các thủ tục hành chính liên quan tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
**Hồ Thị Nguyên Thảo**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC  
CÔNG CHỨNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH PHÚ YÊN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 909 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2023  
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
01	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp ra quyết định đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	100.000 đồng/hồ sơ.	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 706/QĐ-BTP ngày 09/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực luật sư, lĩnh vực công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
02	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hoạt	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo,	1.000.000 đồng/hồ sơ.	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 706/QĐ-BTP ngày

		<p>động, Sở Tư pháp cấp giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.</p>	<p>thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.</p>	<p><i>đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i></p> <p>- Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;</p> <p>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	<p>09/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>
--	--	--	---	--	--

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 912/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 17 tháng 7 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2466/QĐ-BNN-VP ngày 20/6/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Lâm nghiệp, Nông nghiệp, Thủy lợi, Thủy sản, Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 112/TTr-SNN ngày 27/6/2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết 01 thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

- Cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành).

- Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền và niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.



**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Tấn Hồ**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC,  
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:912 /QĐ-UBND ngày 17/7 /2023  
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)*

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường</b>						
1	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải bổ sung, sửa đổi hồ sơ theo quy định: 30 ngày; - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện bổ sung, sửa đổi hồ sơ theo quy định: 65 ngày không kể thời gian hoàn thiện hồ sơ;	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.phuyen.gov.vn">http://dichvucong.phuyen.gov.vn</a> - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không quy định	Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 2466/QĐ-BNN-VP ngày 20/6/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

**QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC,  
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:912 /QĐ-UBND ngày 17 /6 /2023  
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)*

**I. LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

**1. Thủ tục: Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao**

**\* Thời hạn giải quyết**

- Trường hợp không phải bổ sung, sửa đổi hồ sơ theo quy định: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ;

- Trường hợp phải thực hiện bổ sung, sửa đổi hồ sơ theo quy định: 65 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

**\* Quy trình nội bộ**

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm xử lý công việc</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ 10 bộ (01 bộ hồ sơ gốc và 09 bộ hồ sơ bản sao), gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (Scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho chi cục quản lý đúng đối tượng sản xuất	Công chức Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 2	Thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản.	Chi cục quản lý đúng đối tượng sản xuất tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4 ngày làm việc (+35 ngày nếu thực hiện bổ sung, sửa đổi hồ sơ)
Bước 3	Thành lập hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định hồ sơ công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao	- Công chức chi cục quản lý đúng đối tượng sản xuất; - Lãnh đạo chi cục quản lý đúng đối tượng sản xuất; - Sở Nông nghiệp và PTNT	21 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	½ ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản và chuyển hồ sơ trình UBND tỉnh	Văn thư Sở	¼ ngày làm việc
Bước 6	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho Sở Nông nghiệp và PTNT; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh phân công xử lý	Công chức tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ Văn phòng UBND tỉnh	03 ngày làm việc
Bước 7	Phân công phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	
Bước 8	Phòng chuyên môn kiểm tra, xử lý hồ sơ, lập phiếu trình	Phòng chuyên môn Văn phòng UBND tỉnh	

	xử lý công việc; lấy ý kiến các đơn vị liên quan (nếu có); trình Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh, Lãnh đạo UBND tỉnh cho ý kiến.		
Bước 9	Kiểm tra hồ sơ, ký trình Lãnh đạo UBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	
Bước 10	Kiểm tra và ký duyệt văn bản	Lãnh đạo UBND tỉnh	
Bước 11	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Sở Nông nghiệp và PTNT	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	
Bước 12	Chuyển kết quả từ Sở Nông nghiệp và PTNT đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Bưu điện	¼ ngày làm việc
Bước 13	- Xác nhận trên cổng dịch vụ công trực tuyến. - Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức	Công chức Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
	<b>Tổng thời gian giải quyết</b> <i>(Trường hợp không phải bổ sung, sửa đổi hồ sơ theo quy định)</i>		<b>30 ngày làm việc</b>
	<i>(Trường hợp phải thực hiện bổ sung, sửa đổi hồ sơ theo quy định, nhưng không quá 30 ngày làm việc)</i>		<b>65 ngày làm việc</b>

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 988 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 02 tháng 8 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được  
sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết  
của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định 1975/QĐ-BVHTTDL ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 2120/TTr-SVHTTDL ngày 26/7/2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 08 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**Điều 2.** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

- Cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành).

- Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền và niềm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đào Mỹ**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG  
LĨNH VỰC DU LỊCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 988 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.phuyen.gov.vn">http://dichvucong.phuyen.gov.vn</a>	1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023)	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2021 sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về mức ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 1975/QĐ-BVHTTDL ngày 21/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

					<p>hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</p> <p>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.</p> <p>- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.</p>	
2	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	<p>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Nộp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ <a href="http://dichvuco">http://dichvuco</a></p>	750.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12	<p>- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</p> <p>- Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày</p>	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 1975/QĐ-BVHTTDL ngày 21/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.



			ng.phu yen.gov.vn	năm 2023)	<p>15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</p> <p>-Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> <p>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.</p> <p>- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.</p>	
3	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Nộp qua dịch	1.000.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 1975/QĐ-BVHTTDL ngày 21/7/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và

			<p>vụ bưu chính công ích. - Nộp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.phu.yen.gov.vn">http://dichvucong.phu.yen.gov.vn</a></p>	<p>phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023)</p>	<p>lich. - Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2021 sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về mức ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC</p>	<p>Du lịch.</p>
--	--	--	---	--	--	-----------------

					ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.	
4	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	10 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên</li> <li>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.</li> <li>- Nộp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.phu-yen.gov.vn">http://dichvucong.phu-yen.gov.vn</a></li> </ul>	100.000 đồng/thẻ (Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017.</li> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện</li> </ul>	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 1975/QĐ-BVHTTDL ngày 21/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

					Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.	
5	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (Theo quyết định 1676/QĐ-UBND, ngày 23/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên).	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.phuyen.gov.vn">http://dichvucong.phuyen.gov.vn</a>	325.000 đồng/thẻ (Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023)	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 1975/QĐ-BVHTTDL ngày 21/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

					<p>nội địa; phí thăm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.</p> <p>- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.</p>	
6	<p>Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa</p>	<p>10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (Theo quyết định 1676/QĐ-UBND, ngày 23/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên).</p>	<p>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Nộp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ <a href="http://dichvuco.ng.phu.yen.gov.vn">http://dichvuco.ng.phu.yen.gov.vn</a></p>	<p>325.000 đồng/thẻ (Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023)</p>	<p>- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017.</p> <p>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</p> <p>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</p> <p>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý</p>	<p>Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 1975/QĐ-BVHTTDL ngày 21/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

					<p>phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.</p> <p>- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.</p>	
7	<p>Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa</p>	<p>10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Nộp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.phu.yen.gov.vn">http://dichvucong.phu.yen.gov.vn</a></p>	<p>325.000 đồng/thẻ (Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023)</p>	<p>- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017.</p> <p>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</p> <p>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép</p>	<p>Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 1975/QĐ-BVHTTDL ngày 21/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

					<p>văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> <p>- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.</p>	
8	<p>Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch</p>	<p>10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Nộp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ <a href="http://dichvucoyen.gov.vn">http://dichvucoyen.gov.vn</a></p>	<p>- 325.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa.</p> <p>- 100.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm.</p> <p>(Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023)</p>	<p>- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017.</p> <p>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</p> <p>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép 44 đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>- Thông tư số</p>	<p>Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 1975/QĐ-BVHTTDL ngày 21/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

					<p>13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> <p>- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.</p>	
--	--	--	--	--	--	--



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1099 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 21 tháng 8 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;*

*Căn cứ Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 53/TTr-STP ngày 14 tháng 8 năm 2023.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 02 thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hồ Thị Nguyễn Thảo**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH  
NHÀ NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1099/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023  
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
1	Thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh	Tư pháp	Sở Tư pháp
2	Giới thiệu trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi người nước ngoài	Tư pháp	Sở Tư pháp

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

### **I. Thủ tục Thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh**

#### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết hoặc cơ quan được phân công chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh gửi hồ sơ đến Sở Tư pháp thẩm định theo quy định.

- Bước 2:

+ Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết: Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn phòng UBND tỉnh và cơ quan, tổ chức, các chuyên gia, nhà khoa học có liên quan tổ chức họp tư vấn thẩm định hoặc thành lập hội đồng tư vấn thẩm định để thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết trong trường hợp hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật năm 2015.

+ Đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật: Sở Tư pháp tổ chức thực hiện thẩm định khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ gửi thẩm định không đầy đủ, Sở Tư pháp yêu cầu (bằng văn bản) gửi cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung hồ sơ gửi thẩm định.

Đối với dự thảo nghị quyết, quyết định liên quan đến nhiều lĩnh vực hoặc do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo thì Giám đốc Sở Tư pháp thành lập hội đồng tư vấn thẩm định, bao gồm đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học.

- Bước 3: Sau khi thẩm định, Sở Tư pháp gửi Báo cáo thẩm định cho cơ quan, đơn vị để tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành.

#### **3. Thành phần hồ sơ:**

- **Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết:**

+ Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết.

+ Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết.

+ Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách.

+ Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp.

+ Bản chụp ý kiến góp ý.

+ Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết.

- **Đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật:**

+ Tờ trình UBND về dự thảo nghị quyết/quyết định.

+ Dự thảo nghị quyết/quyết định.

+ Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

+ Bản chụp ý kiến góp ý.

+ Văn bản phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đối với dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh; văn bản phân công của Chủ tịch UBND tỉnh đối với dự thảo quyết định của UBND tỉnh.

+ Văn bản phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đối với dự thảo văn bản.

+ Văn bản trả lời của cơ quan soạn thảo đối với ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

+ Văn bản gửi lấy ý kiến góp ý.

+ Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

**4. Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**5. Thời hạn giải quyết:** Báo cáo thẩm định phải được gửi đến cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết hoặc cơ quan chủ trì soạn thảo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết hoặc chủ trì soạn thảo văn bản.

**7. Cơ quan giải quyết TTHC:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tư pháp.

+ Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học.

**8. Kết quả thực hiện TTHC:** Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết, dự thảo nghị quyết/quyết định.

**9. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định

**11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết; tờ trình UBND về dự thảo nghị quyết/quyết định; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết; Dự thảo nghị quyết/quyết định được gửi bằng bản giấy; các tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

**12. Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

- Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp xây dựng, kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Phú Yên

**II. Thủ tục Giới thiệu trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi người nước ngoài**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Lấy ý kiến của cơ quan liên quan về các phương án giới thiệu trẻ em cho người nhận con nuôi:

(1) Trường hợp họp liên ngành thì thành phần gồm Giám đốc hoặc Phó giám đốc Sở Tư pháp (Chủ trì cuộc họp), đại diện Lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, đại diện Lãnh đạo Sở Y tế, đại diện Lãnh đạo Công an tỉnh, đại diện Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, đại diện Lãnh đạo cơ

quan chủ quản cơ sở nuôi dưỡng, đại diện Ban Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng có trẻ em được giới thiệu làm con nuôi nước ngoài. Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp có thể mời chuyên gia y tế, tâm lý, gia đình, xã hội tham gia ý kiến đề liên ngành xem xét tư vấn việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi người nước ngoài.

Sở Tư pháp có trách nhiệm gửi cho các đại biểu tham gia họp liên ngành ít nhất 03 ngày trước ngày họp phương án giới thiệu trẻ em kèm theo báo cáo đánh giá hồ sơ của trẻ em và hồ sơ của người nhận con nuôi.

(2) Trường hợp trao đổi ý kiến bằng văn bản thì Sở Tư pháp gửi công văn kèm theo phụ lục báo cáo đánh giá hồ sơ của trẻ em và hồ sơ của người nhận con nuôi cho các cơ quan, ban ngành như trên đề nghị cho ý kiến về các phương án giới thiệu trẻ em cho người nhận con nuôi.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, các cơ quan, ban ngành được hỏi ý kiến có văn bản trả lời Sở Tư pháp.

- Bước 2: Sở Tư pháp tổng hợp, tiếp thu hoặc giải trình ý kiến của các cơ quan, ban ngành hữu quan và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến về việc đồng ý hoặc không đồng ý với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

- Bước 4: Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý việc giới thiệu, thì trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của UBND tỉnh, Sở Tư pháp chuyển cho Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp 01 bộ hồ sơ của trẻ em kèm theo văn bản đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh không đồng ý với việc giới thiệu, thì Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo rõ lý do bằng văn bản để Sở Tư pháp tiến hành giới thiệu lại. Sau 03 tháng kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh không đồng ý mà Sở Tư pháp không giới thiệu được thì Sở Tư pháp phải gửi trả lại hồ sơ của người nhận con nuôi cho Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp kèm theo văn bản nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành.

**3. Thành phần hồ sơ:**

- Công văn của Sở Tư pháp (trong trường hợp xin ý kiến các cơ quan bằng văn bản).

- Báo cáo của Sở Tư pháp gửi UBND tỉnh.

**4. Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**5. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến về việc giới thiệu.

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý của UBND tỉnh, Sở Tư pháp gửi Cục Con Nuôi - Bộ Tư pháp hồ sơ giới thiệu trẻ em.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp

**7. Cơ quan giải quyết TTHC:**

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tư pháp.
- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Y tế, Công an tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan chủ quản cơ sở nuôi dưỡng; Ban Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng có trẻ em được giới thiệu làm con nuôi nước ngoài hoặc chuyên gia y tế, tâm lý, gia đình, xã hội (nếu cần thiết).

**8. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản cho ý kiến của UBND tỉnh.

**9. Phí, lệ phí (nếu có):** Không.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Việc giới thiệu trẻ em không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 24/2019/NĐ-CP làm con nuôi người nước ngoài phải bảo đảm các căn cứ để giới thiệu trẻ em làm con nuôi người nước ngoài quy định tại Điều 35 Luật Nuôi con nuôi.

**12. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi.

- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi.

- Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1103 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 21 tháng 8 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuyển giao cho  
doanh nghiệp bưu chính công ích đảm nhiệm**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.*

*Căn cứ Quyết định số 556/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh về ban hành Đề án thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhiệm và Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 27/6/2023 của UBND tỉnh về triển khai Đề án thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhiệm trên địa bàn tỉnh Phú Yên;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính của 12 sở, ban, ngành (gồm: Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Ngoại vụ; Sở Nội vụ; Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Lao động-Thương binh và Xã hội; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Xây dựng; Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên và Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao) chuyển giao cho doanh nghiệp bưu chính công ích đảm nhiệm (có phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Các cơ quan, đơn vị căn cứ danh mục thủ tục hành chính được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm cung cấp đúng, đầy đủ nội dung,

quy trình giải quyết các thủ tục hành chính để doanh nghiệp bưu chính công ích tổ chức tiếp nhận theo quy định. Trường hợp danh mục thủ tục hành chính có sự thay đổi (ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ), các sở, ban, ngành trên có trách nhiệm cung cấp thông tin cho doanh nghiệp bưu chính công ích biết, để kịp thời giải quyết thủ tục hành chính theo quy định mới.

**Điều 3.** Doanh nghiệp bưu chính công ích có trách nhiệm phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên bưu chính công ích trong việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC; tổ chức tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính theo đúng quy trình, đảm bảo thời gian theo quy định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Tấn Hồ**



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CHUYÊN GIAO CHO DOANH NGHIỆP  
BUỒI CHÍNH CÔNG ÍCH ĐẢM NHIỆM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1103 /QĐ-UBND ngày 21/8/2023  
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b>
1	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học
2	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục
3	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục
4	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông
5	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại
6	Giải thể trường trung học phổ thông
7	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông
8	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ
9	Xếp hạng trung tâm giáo dục thường xuyên
10	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia
11	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia
12	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia
13	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số
14	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh
15	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học
16	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục
17	Cấp phép tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học
18	Sáp nhập, chia tách trung tâm ngoại ngữ, tin học
19	Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học
20	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại
21	Thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục
22	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục
23	Tổ chức lại, giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập
24	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục trở lại
25	Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập
26	Giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập
27	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
28	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập, cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục
29	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục
30	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên
31	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên
32	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại
33	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa
34	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa
35	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục
36	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú
37	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú
38	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú
39	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục
40	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm, trường cao đẳng sư phạm
41	Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp
42	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp

43	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp
44	Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục
45	Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh
46	Sáp nhập, chia tách Trung tâm giáo dục thường xuyên
47	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại
48	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên
49	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên
50	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
51	Cho phép hoạt động đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
52	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
53	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
54	Chấm dứt hoạt động của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
55	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài
56	Hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở cho học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực văn bằng chứng chỉ</b>
1	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ số gốc
2	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam
3	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Kiểm định chất lượng giáo dục</b>
1	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia. (Trường trung học bao gồm: trường trung học cơ sở; trường trung học phổ thông; trường phổ thông có nhiều cấp học; trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện; trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh; trường phổ thông dân tộc nội trú trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường chuyên).
2	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường chuẩn QG
3	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường chuẩn QG
4	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường chuẩn QG
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực thi, tuyển sinh</b>
1	Đăng ký dự thi trung học phổ thông
2	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông
3	Đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy, tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy
4	Đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CHUYÊN GIAO CHO DOANH NGHIỆP  
BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH ĐẢM NHIỆM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1103 /QĐ-UBND ngày 21/8/2023  
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ</b>
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp
2	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp
3	Thủ tục đăng ký chủ trì thực hiện dự án do Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ
4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Phú Yên” dùng cho sản phẩm Tôm hùm bông.
5	Thủ tục sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Phú Yên” dùng cho sản phẩm tôm hùm bông
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử</b>
1	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)
2	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế
3	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế
4	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế
5	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế
6	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế
7	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng</b>
1	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia
2	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu
3	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp
4	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định
5	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận
6	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu
7	Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ KH và CN theo phân cấp
8	Đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu
9	Điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng
10	Công bố sử dụng dấu định lượng
11	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành dựa trên KQ tự đánh giá.
12	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận
13	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh
14	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ</b>
1	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác
2	Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh

	công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ.
3	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ
4	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyên giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ
5	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ
6	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyên giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ
7	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ
8	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến
9	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu
10	Đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
11	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh
12	Cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ
13	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ
14	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu
15	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh
16	Thủ tục đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước
17	Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước
18	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ
19	Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ
20	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)
21	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)
22	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.
23	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.
24	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ
25	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ
26	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ
27	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước
28	Đánh giá và đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.
29	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI CHUYÊN GIAO  
CHO DOANH NGHIỆP BUỒI CHÍNH CÔNG ÍCH ĐẢM NHIỆM**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1103 /QĐ-UBND ngày 21/8/2023  
của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
<b>I. Lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước</b>	
1	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn dưới 90 ngày
2	Đăng ký hợp đồng cá nhân
3	Đề nghị Tắt toán tài khoản ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi thực tập nâng cao tay nghề dưới 90 ngày
<b>II. Lĩnh vực việc làm</b>	
1	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
2	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
3	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động
4	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài
5	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài
6	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp
7	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp
8	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp
9	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp
10	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)
11	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)
12	Giải quyết hỗ trợ học nghề
13	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm
14	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng
<b>III. Lĩnh vực an toàn lao động</b>	
1	Đăng ký công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa
2	Khai báo thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động
<b>IV. Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động</b>	
1	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp (10 ngày làm việc. Trong đó: Sở LĐTBXH: 05 ngày, BHXH: 05 ngày)

2	Hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh nghề nghiệp; chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp
<b>V. Lĩnh vực Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động</b>	
1	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B ( <i>trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập</i> ); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B ( <i>trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập</i> ).
2	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B ( <i>trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập</i> ); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B ( <i>trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập</i> ).
<b>VI. Lĩnh vực Lao động – Tiền lương – Quan hệ lao động</b>	
1	Đăng ký nội quy lao động
2	Gửi Thỏa ước lao động tập thể doanh nghiệp
<b>VII. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp</b>	
1	Thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện
2	Thành lập hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục
3	Xác nhận mẫu phôi chứng chỉ sơ cấp, mẫu phôi bản sao chứng chỉ sơ cấp
4	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp.
5	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
6	Cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (tại các tỉnh, thành phố khác với tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính của trường trung cấp)
7	Cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (trong cùng một tỉnh, thành phố với trụ sở chính của trường trung cấp).
8	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
9	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp

10	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp
11	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận
12	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp
<b>VIII.Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>	
1	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
2	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội
3	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
4	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp
5	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.
6	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.
7	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh
8	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật
<b>IX.Lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội</b>	
1	Thủ tục nghỉ chịu tang của học viên tại Cơ sở cai nghiện ma túy và trợ giúp xã hội
<b>X.Lĩnh vực người có công</b>	
1	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động
2	Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần
3	Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần
4	Thủ tục hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong các trường hợp:
	- Bị tạm đình chỉ chế độ do bị kết án tù đã chấp hành xong hình phạt tù;
	- Bị tạm đình chỉ do xuất cảnh trái phép nay trở về nước cư trú;
	- Đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ nay quay lại đề nghị tiếp tục hưởng chế độ;
	- Bị tạm đình chỉ chế độ chờ xác minh của cơ quan điều tra
5	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ

6	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác
7	Thủ tục giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến
8	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh
9	Thủ tục giám định vết thương còn sót
10	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh
11	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
12	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
13	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày
14	Thủ tục giải quyết chế độ người HDKC giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế
15	Thủ tục giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng
16	Thủ tục di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng
17	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ
18	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng
19	Thủ tục giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ
20	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết
21	Thủ tục xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ
22	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ
23	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến
24	Thủ tục đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ
25	Thủ tục lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình
26	Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ
27	Thủ tục hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ
28	Thủ tục sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công
29	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến



30	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi
----	--

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CHUYÊN GIAO  
CHO DOANH NGHIỆP BUỒI CHÍNH CÔNG ÍCH ĐẢM NHIỆM**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1103 /QĐ-UBND ngày 21/8/2023  
của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực trồng trọt</b>
1	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực bảo vệ thực vật</b>
1	Cấp giấy đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
2	Cấp lại giấy đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
3	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật
4	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật
5	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón
6	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón
7	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón
8	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật.
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực lâm nghiệp</b>
1	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý
2	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý
3	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
4	Thủ tục phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh
5	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập
6	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)
7	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức
8	Phê duyệt phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế.
9	Phê duyệt dự toán, thiết kế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế
10	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)
11	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp
12	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên
13	Phê duyệt phương án khai thác thực vật rừng thông thường
14	Cấp mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II, III Cites.
15	Xác nhận bảng kê lâm sản
16	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ
17	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực thủy sản</b>
1	Xóa đăng ký tàu cá
2	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)
3	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)
4	Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 6 hải lý)
5	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)
6	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng
7	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực

STT	Tên thủ tục hành chính
	vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên
8	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá
9	Công bố mở cảng cá loại 2
10	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng ( <i>thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên</i> )
11	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng ( <i>thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên</i> )
12	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác ( <i>theo yêu cầu</i> )
13	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá
14	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá
15	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá
16	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản
17	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực
18	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá, thuê, mua tàu cá trên biển
19	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản</b>
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản
2	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản ( <i>trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn</i> )
3	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ
4	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực chăn nuôi</b>
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực thú y</b>
1	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật, buôn bán thuốc thú y).
2	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y ( <i>trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y</i> ).
3	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y.
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.
6	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y.
7	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật
8	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật
9	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật
10	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật
<b>VIII</b>	<b>Lĩnh vực thủy lợi</b>
1	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý
2	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý
3	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
4	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
5	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép ho ạt động: Nuôi trồng thủy sản; nổ mìn và các ho ạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
6	Cấp giấy phép ho ạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm

STT	Tên thủ tục hành chính
	quyền cấp phép của UBND tỉnh
7	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: Du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
8	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
9	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
10	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
11	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
12	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh
13	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
14	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
15	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh
16	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
17	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
18	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
19	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
<b>IX</b>	<b>Lĩnh vực phòng, chống thiên tai</b>
1	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
2	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ
3	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ
<b>X</b>	<b>Lĩnh vực nông nghiệp</b>
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông (cấp tỉnh)
2	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
3	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
<b>XI</b>	<b>Lĩnh vực khoa học, công nghệ, môi trường</b>
1	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.
<b>XII</b>	<b>Lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn</b>
1	Hỗ trợ dự án liên kết cấp tỉnh
2	Công nhận nghề truyền thống
3	Công nhận làng nghề
4	Công nhận làng nghề truyền thống
5	Bố trí ổn định dân cư ngoài tỉnh
6	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu
7	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ NỘI VỤ CHUYÊN GIAO CHO DOANH NGHIỆP  
BUỒI CHÍNH CÔNG ÍCH ĐẢM NHIỆM**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1103 /QĐ-UBND ngày 21/8/2023  
của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực tổ chức hành chính</b>
1	Thủ tục thẩm định thành lập tổ chức hành chính
2	Thủ tục thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính
3	<u>Thủ tục thẩm định giải thể</u> tổ chức hành chính
4	Thủ tục thẩm định đề án vị trí việc làm
5	Thủ tục thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực đơn vị sự nghiệp công lập</b>
1	<u>Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập</u>
2	<u>Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập</u>
3	<u>Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập</u>
4	Thủ tục thẩm định đề án vị trí việc làm
5	Thủ tục thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm
6	Thủ tục thẩm định số lượng người làm việc
7	Thủ tục thẩm định điều chỉnh số lượng người làm việc
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác thanh niên</b>
1	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh
2	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh
3	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực quản lý nhà nước quỹ xã hội, quỹ từ thiện</b>
1	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ
2	Thủ tục quỹ tự giải thể
3	Thủ tục đổi tên quỹ
4	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ
5	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động
6	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ
7	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ
8	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ
9	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực quản lý nhà nước về hội</b>
1	Thủ tục cho phép hội đặt văn phòng đại diện
2	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường
3	Thủ tục Hội tự giải thể
4	Thủ tục đổi tên hội
5	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội
6	<u>Thủ tục phê duyệt điều lệ hội</u>
7	<u>Thủ tục thành lập hội</u>
8	<u>Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội</u>
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực chính quyền địa phương</b>
1	Thủ tục hành chính thành lập thôn mới, khu phố mới
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực quản lý nhà nước về văn thư-lưu trữ</b>
1	<u>Thủ tục cấp, cấp lại, bổ sung lĩnh vực hành nghề của chứng chỉ hành nghề lưu trữ</u>
2	Thủ tục cấp bản sao và chứng thực lưu trữ
<b>VIII</b>	<b>Lĩnh vực thi đua khen thưởng</b>
1	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
2	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
3	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
4	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc

5	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề
6	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề
7	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đợt xuất
8	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho gia đình
9	Thủ tục đề nghị tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đối ngoại
<b>IX</b>	<b>Lĩnh vực tôn giáo</b>
1	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
2	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
3	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
4	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích
5	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cử trú hợp pháp tại Việt Nam
6	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh
7	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh
8	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
9	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc
10	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
11	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương
12	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức
13	Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức
14	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP
15	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
16	Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
17	Thủ tục thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
18	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
19	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
20	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
21	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
22	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
23	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
24	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín

	ngưỡng, tôn giáo
25	Thủ tục thông báo chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành
26	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
27	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
28	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo
29	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh
30	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh
31	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh
32	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh
33	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh
34	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh
35	Thủ tục thông báo thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (thuộc thẩm quyền tiếp nhận của 02 cơ quan)
<b>X</b>	<b>Lĩnh vực công chức</b>
1	Thi tuyển công chức
2	Xét tuyển công chức
3	Tiếp nhận vào làm công chức
4	Thi nâng ngạch công chức
<b>XI</b>	<b>Lĩnh vực viên chức</b>
1	Thi tuyển viên chức
2	Xét tuyển viên chức
3	Tiếp nhận vào làm viên chức
4	Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ NGOẠI VỤ CHUYÊN GIAO CHO DOANH NGHIỆP  
BÙU CHÍNH CÔNG ÍCH ĐẢM NHIỆM**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1103 /QĐ-UBND ngày 21/8/2023  
của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Công tác lãnh sự</b>
1	Thủ tục xét, cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân đến các nền kinh tế thành viên của Diễn đàn Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương tại tỉnh Phú Yên (thẻ ABTC)
2	Thủ tục cho phép xuất cảnh cho cán bộ, công chức, viên chức
3	Thủ tục mời người nước ngoài vào làm việc
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Hợp tác quốc tế</b>
1	Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ TÀI CHÍNH CHUYÊN GIAO CHO DOANH NGHIỆP  
BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH ĐẢM NHIỆM**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1103 /QĐ-UBND ngày 21 /8/2023  
của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực quản lý công sản</b>
1	Thủ tục Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư
2	Thủ tục Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị
3	Thủ tục Quyết định điều chuyển tài sản công
4	Thủ tục Quyết định thanh lý tài sản công
5	Thủ tục Quyết định bán tài sản công
6	Thủ tục Quyết định tiêu hủy tài sản công
7	Thủ tục Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại
8	Thủ tục mua quyền hóa đơn
9	Thủ tục mua hóa đơn lẻ
10	Thủ tục Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản
11	Thủ tục Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của tổ chức, cá nhân tham gia mua, thuê tài sản, nhận chuyển nhượng, thuê quyền khai thác tài sản công
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực quản lý giá</b>
1	Thủ tục Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi của Sở Tài chính
2	Thủ tục Quyết định giá thuộc thẩm quyền của Sở Tài chính
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực tài chính ngân sách</b>
1	Thủ tục đăng ký mã số có quan hệ với ngân sách

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHUYÊN GIAO CHO DOANH NGHIỆP BUƯ CHÍNH  
CÔNG ÍCH ĐẢM NHIỆM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1103 /QĐ-UBND ngày 21 /8/2023  
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	Tên thủ tục hành chính
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Bưu chính</b>
1	Cấp Giấy phép bưu chính
2	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính
3	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn
4	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được
5	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính
6	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được
7	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử</b>
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh
2	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh
3	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
4	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
5	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
6	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
7	Thông báo thay đổi chủ sở hữu, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
8	Thông báo thay đổi địa chỉ trụ sở chính, Văn phòng giao dịch, địa chỉ đặt hoặc cho thuê máy chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng
9	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30 % vốn điều lệ trở lên
10	Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng (địa phương)
11	Thông báo thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi ( trên mạng viễn thông di động); thẻ loại trò chơi (G2, G3, G4); thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng
12	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G2,G3,G4 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30 % vốn điều lệ trở lên
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Báo chí</b>
1	Trung bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài
2	Cấp giấy phép xuất bản bản tin
3	Thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin
4	Cho phép hợp báo (trong nước)
5	Cho phép hợp báo (nước ngoài)
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Xuất bản</b>
1	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh
2	Cấp Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm
3	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm
4	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm
5	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài
6	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh
7	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm
8	Đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm

---

---

9	Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm
10	Cấp giấy phép hoạt động in
11	Cấp lại giấy phép hoạt động in
12	Đăng ký hoạt động cơ sở in
13	Thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ XÂY DỰNG CHUYÊN GIAO CHO DOANH NGHIỆP BƯU CHÍNH  
CÔNG ÍCH ĐẢM NHIỆM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1103 /QĐ-UBND ngày 21/8/2023  
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực xây dựng</b>
1	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)
2	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)
3	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)
4	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)
5	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)
6	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)
7	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III (TỔ CHỨC)
8	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng) (TỔ CHỨC)
9	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (TỔ CHỨC)
10	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III của cá nhân người nước ngoài (CÁ NHÂN)
11	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III (CÁ NHÂN)
12	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (CÁ NHÂN)
13	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (CÁ NHÂN)
14	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng) (CÁ NHÂN)
15	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp) (CÁ NHÂN)
16	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III (CÁ NHÂN)
17	Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III (TỔ CHỨC)
18	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp) (TỔ CHỨC)
19	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C
20	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C
21	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng /điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
22	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực quy hoạch kiến trúc</b>
1	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh
2	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc
3	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông

	tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc)
4	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp
5	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc
6	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam
7	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam
8	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh
9	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh
10	Thẩm định Đồ án Quy hoạch chung xây dựng
11	Thẩm định Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng
12	Thẩm định Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng
13	Thẩm định Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực vật liệu xây dựng</b>
1	Tiếp nhận bản công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng</b>
1	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành
2	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh
3	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực nhà ở và công sở</b>
1	Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài
2	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, thuê mua
3	Công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại được chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư)
4	Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn Tỉnh
5	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND Tỉnh
6	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước.
7	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước
8	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước
9	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước
10	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP
11	Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất liền kề với nhà ở cũ thuộc Sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP
12	Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực giám định tư pháp xây dựng</b>
1	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng
2	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động.
3	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực bất động sản</b>
1	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh quyết định việc đầu tư
2	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản
3	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CHUYÊN GIAO CHO DOANH NGHIỆP BƯU CHÍNH  
CÔNG ÍCH ĐẢM NHIỆM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1103 /QĐ-UBND ngày 21/8/2023  
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Di sản văn hóa</b>
1	Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia
2	Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương
3	Xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập
4	Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập
5	Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp
6	Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia
7	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích
8	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật
9	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật
10	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật
11	Cấp Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích
12	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Điện ảnh</b>
1	Cấp Giấy phép phân loại phim
<b>III</b>	<b>Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm</b>
1	Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật
2	Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật
3	Cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ
4	Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng
5	Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc
6	Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam
7	Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm
8	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại
9	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại
10	Cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại
11	Cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại
12	Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn</b>
1	Tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)
2	Tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)
3	Tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu
4	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu

<b>V</b>	<b>Lĩnh vực Văn hóa cơ sở</b>
1	Đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh
2	Thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh
3	Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường
4	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường
5	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn
6	Tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo
7	Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam
9	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa</b>
1	Cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
2	Giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh
3	Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh
4	Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng</b>
1	Xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”
2	Xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”
3	Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể
4	Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể
5	Xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật
6	Xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật
<b>VIII</b>	<b>Lĩnh vực Thư viện</b>
1	Thông báo thành lập đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam
2	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam
3	Thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam
<b>IX</b>	<b>Lĩnh vực Gia đình</b>
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình
3	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình
4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình
6	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình
7	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình
8	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình
9	Cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình
10	Cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình
11	Cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình
12	Cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình
<b>X</b>	<b>Lĩnh vực Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ</b>
1	Cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ
<b>XI</b>	<b>Lĩnh vực Thể dục Thể thao</b>
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp
2	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

	trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng
5	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức
6	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức
7	Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
8	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga
9	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf
10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông
11	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo
12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn
14	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker
15	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn
16	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay
17	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao
18	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ
19	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo
20	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness
21	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân sư rồng
22	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Vũ đạo thể thao giải trí
23	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh
24	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam
25	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển
26	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá
27	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt
28	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin
29	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí
30	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao
31	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném
32	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu
33	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao
34	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ
35	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao
<b>XII</b>	<b>Lĩnh vực Lữ hành</b>
1	Công nhận điểm du lịch
2	Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa
3	Cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa
4	Cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa
5	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành
6	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể
7	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản
8	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài
9	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm
10	Cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế



11	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài
12	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện
13	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy
14	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài
15	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.
16	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế
17	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa
18	Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa
19	Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch
20	Công nhận khu du lịch cấp tỉnh
<b>XIII</b>	<b>Lĩnh vực Dịch vụ du lịch khác</b>
1	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
2	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
3	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
4	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
5	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
6	Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1-3 sao đối với cơ sở lưu trú du lịch (khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch)

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ CHUYÊN GIAO CHO DOANH NGHIỆP  
BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH ĐẢM NHIỆM**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1103 /QĐ-UBND ngày 21/8/2023  
của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam</b>
1	<u>Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf (Dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 32)</u>
2	<u>Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư</u>
3	<u>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</u>
4	<u>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý</u>
5	<u>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư</u>
6	<u>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm</u>
7	<u>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư</u>
8	<u>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế</u>
9	<u>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp</u>
10	<u>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh</u>
11	<u>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trong tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)</u>
12	<u>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trong tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)</u>
13	<u>Thủ tục điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư</u>
14	<u>Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư</u>
15	<u>Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư</u>
16	<u>Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</u>
17	<u>Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài</u>
18	<u>Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC</u>
19	<u>Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC</u>
20	<u>Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP</u>
21	<u>Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP</u>
22	<u>Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư</u>
23	<u>Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</u>
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực quy hoạch và xây dựng</b>
1	<u>Cung cấp thông tin về Quy hoạch xây dựng trong khu công nghiệp, khu kinh tế</u>
2	<u>Thủ tục cấp Giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, cấp II, cấp III (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong Khu kinh tế /Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong KKT/Dự án)</u>
3	<u>Thủ tục Thẩm định &amp; Điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.</u>
4	<u>Thủ tục cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I cấp II, cấp III (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong Khu kinh tế /Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong KKT/Dự án)</u>
5	<u>Thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, cấp II, cấp III (Công trình không</u>

	<u>theo tuyển/Theo tuyển trong Khu kinh tế /Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong KKT/Dự án)</u>
6	<u>Thủ tục cấp giấy phép xây dựng cải tạo, sửa chữa đối với công trình cấp I, cấp II, cấp III (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong Khu kinh tế /Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong KKT/Dự án):</u>
7	<u>Thủ tục cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, cấp II, cấp III (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong Khu kinh tế /Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong KKT/Dự án)</u>
8	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình.
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực lao động-việc làm</b>
1	<u>Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài</u>
2	<u>Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Khu công nghiệp, Khu kinh tế.</u>
3	<u>Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Khu công nghiệp, Khu kinh tế.</u>
4	<u>Xác nhận người lao động nước ngoài làm việc tại các khu công nghiệp, khu kinh tế thuộc diện không cấp giấy phép lao động</u>
5	<u>Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp</u>
6	<u>Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Khu công nghiệp, Khu kinh tế</u>
7	<u>Đăng ký kế hoạch đưa người lao động đi thực tập ở nước ngoài dưới 90 ngày</u>
8	<u>Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Khu kinh tế và các khu công nghiệp</u>
9	<u>Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Khu kinh tế và các khu công nghiệp.</u>
10	<u>Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Khu kinh tế và các khu công nghiệp.</u>
11	<u>Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Khu kinh tế và các khu công nghiệp.</u>
12	<u>Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Khu kinh tế và các khu công nghiệp.</u>
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực đất đai</b>
1	<u>Giao lại đất, cho thuê đất trong Khu kinh tế Nam Phú Yên (Áp dụng đối với quỹ đất thuộc các khu chức năng của Khu kinh tế Nam Phú Yên và đã thực hiện xong công tác bồi thường GPMB)</u>

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BAN QUẢN LÝ KHU  
NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO CHUYÊN GIAO  
CHO DOANH NGHIỆP BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH ĐẢM NHIỆM**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1103 /QĐ-UBND ngày 21/8/2023  
của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam</b>
1	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
2	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư
3	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
4	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý
5	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
6	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
7	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
8	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
9	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
10	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
11	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
12	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)
13	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)
14	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
15	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
16	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư
17	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
18	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
19	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài
20	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
21	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Quản lý công sản</b>
1	Khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng vào tiền thuê đất trong Khu công nghệ cao
2	Miễn, giảm tiền thuê đất trong Khu Công nghệ cao
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Quy hoạch và Xây dựng</b>
1	Thẩm định và điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
2	Thẩm định và điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

3	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/ Theo tuyển trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao).
4	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/ Theo tuyển trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao).
5	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/ Theo tuyển trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao).
6	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/ Theo tuyển trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao).
7	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/ Theo tuyển trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao).
8	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/ Theo tuyển trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao).
9	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình
10	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên
11	Cho ý kiến về các công trình hết thời hạn sử dụng nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực đất đai</b>
1	Giao lại đất, cho thuê đất trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Số: 1144 /QĐ-UBND**

**Phú Yên, ngày 30 tháng 8 năm 2023**

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, Giám định tư pháp xây dựng, Nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng số:694/QĐ-BXD ngày 03 tháng 7 năm 2023,705/QĐ-BXD ngày 06 tháng 7 năm 2023 và758/QĐ-BXD ngày 20 tháng 7 năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số51/TTr-SXD ngày 02/8/2023, số 52/TTr-SXD ngày 04/8/2023 và số 53/TTr-SXD ngày 04/8/2023.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, Giám định tư pháp xây dựng, Nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng (theo phụ lục).

**Điều 2.** Sở Xây dựng có trách nhiệm:

- Cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành).

- Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền và niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Tấn Hồ**

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG, NHÀ Ở, GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ XÂY DỰNG**  
**(Kèm theo Quyết số: 1144 /QĐ-UBND ngày 30 /8 /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)**

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I. Lĩnh vực thí nghiệm chuyên ngành xây dựng</b>						
1	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (Trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động)	20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian khắc phục các nội dung trong biên bản đánh giá thực tế của Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công, 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.phuyen.gov.vn">http://dichvucong.phuyen.gov.vn</a>	Không	- Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 06/7/2023 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng
2	Cấp lại Giấy	05 ngày làm	- Trung tâm Phục	Không	- Nghị	Những



STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	việc kê từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	vụ hành chính công, 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.phuycen.gov.vn">http://dichvucong.phuycen.gov.vn</a>		định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 06/7/2023 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng
3	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm)	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công, 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ	Không	- Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp	Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 06/7/2023 của Bộ

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp)		<a href="http://dichvucong.phuyen.gov.vn">http://dichvucong.phuyen.gov.vn</a>		xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Trưởng Bộ Xây dựng
4	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn	20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ không kể thời gian khắc phục của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công, 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.phuyen.gov.vn">http://dichvucong.phuyen.gov.vn</a>	Không	- Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023	Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 06/7/2023 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)				của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	
<b>II. Lĩnh vực Giám định tư pháp xây dựng</b>						
1	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công, 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên</li> <li>- Qua dịch vụ bưu chính công ích</li> <li>- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.phuyen.gov.vn">http://dichvucong.phuyen.gov.vn</a></li> </ul>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13; Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp;</li> <li>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng</li> <li>- Thông tư số 17/2021/T</li> </ul>	

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					T-BXD ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định một số nội dung về hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng	

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
-----	------------	------------------------	-------------------	----------------------	---------------------------------	-------------	---	---------

### I. Lĩnh vực Nhà ở

1	1.00776	Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh	Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án không sử dụng nguồn vốn hoặc hình thức quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Nhà ở số	30 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công, 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải	Không	- Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý	Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 758/QĐ-BXD ngày 20/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
---	---------	--	--	---------	---	-------	--	---

			65/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 6 Điều 99 của Luật PPP số 64/2020/QH14 trên phạm vi địa bàn		quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ <a href="http://dichvuc.ong.phu.yen.gov.vn">http://dichvuc.ong.phu.yen.gov.vn</a>		nhà ở xã hội; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng
--	--	--	--	--	---	--	--

**II. Lĩnh vực Giám định tư pháp xây dựng**

	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
1	2.001116	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (bao gồm 20 ngày quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp và 10 ngày cấp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công, 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ			

			thẻ giám định viên tư pháp)	dichvucong.phu yen.gov.vn		định số 35/2023/ NĐ-CP ngày 20/6/202 3 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Thông tư số 17/2021/ TT- BXD ngày 22/12/20 21 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định một số nội dung về hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng; - Thông tư số 11/2020/ TT-BTP ngày 31/12/20	2023 của Bộ trưở ng Bộ Xây dựng
--	--	--	-----------------------------------	------------------------------	--	--	--

						20 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp
--	--	--	--	--	--	--

**III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ**

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định được công bố	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ
	Lĩnh vực Giám định tư pháp xây dựng			
1	1.002515	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động	Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 07/02/2017 của UBND Tỉnh	- Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13; - Điều 9 Thông tư số 04/2014/TT-BXD; - Điều 2, Điều 3, Điều 4 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP (quy định này thay thế Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 04/2014/TT-BXD đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 23/2016/TT-BXD).
2	1.002621	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin	Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 07/02/2017 của UBND Tỉnh	- Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13; - Điều 9 Thông tư số 04/2014/TT-BXD; - Điều 2, Điều 3, Điều 4 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP (quy định này thay thế Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 04/2014/TT-BXD đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 23/2016/TT-BXD).

**PHỤ LỤC II**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**(Kèm theo Quyết định số: 1144/QĐ-UBND ngày 30 /8 / 2023 của Chủ tịch**  
**UBND tỉnh Phú Yên)**

**Thủ tục Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương: 10 ngày**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Trách nhiệm xử lý</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
<b>Bước 1</b>	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ. Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn Sở Xây dựng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng	1/2 ngày
<b>Bước 2</b>	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn Sở Xây dựng phụ trách giải quyết TTHC	
	- Chuyển chuyên viên xử lý soạn văn bản gửi lấy ý kiến Sở Tư pháp	Lãnh đạo phòng Sở Xây dựng	1/2 ngày
	- Chuyển chuyên viên của Sở Tư pháp xử lý	Lãnh đạo phòng Sở Tư pháp	02 ngày
	- Sở Tư pháp xem xét có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Xây dựng	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1/2 ngày
	- Tổng hợp ý kiến Sở Tư pháp, xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên Sở Xây dựng	1/2 ngày
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng chuyên môn Sở	1/2 ngày
<b>Bước 3</b>	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo Sở	1/2 ngày
<b>Bước 4</b>	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản trình UBND tỉnh.	Văn thư Sở	1/2 ngày
<b>Bước 5</b>	Kiểm tra, tiếp nhận văn bản Sở Xây dựng trình	Văn thư VP.UBND tỉnh	1/2 ngày
<b>Bước 6</b>	Phân công cho phòng chuyên môn của VP.UBND tỉnh thụ lý	Lãnh đạo VP.UBND tỉnh	1/2 ngày
<b>Bước 7</b>	Phòng chuyên môn VP.UBND tỉnh kiểm tra, xử lý; trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký, ban hành	Phòng chuyên môn VP.UBND tỉnh	1,5 ngày
<b>Bước 8</b>	Kiểm tra, ký duyệt kết quả	Lãnh đạo UBND tỉnh	1/2 ngày
<b>Bước 9</b>	Phát hành văn bản, chuyển kết quả cho Sở Xây dựng	Văn thư UBND tỉnh	1/2 ngày
<b>Bước</b>	Chuyển kết quả từ Sở Xây dựng	Văn thư +Bưu điện	1/2 ngày



TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
10	đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		
<b>Bước 11</b>	Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng	1/2 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		10 ngày

**Thủ tục Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương: 30 ngày**

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
<b>Bước 1</b>	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ. Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng	1/2 ngày
<b>Bước 2</b>	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn Sở Xây dựng phụ trách giải quyết TTHC	
	- Chuyển chuyên viên xử lý soạn văn bản gửi lấy ý kiến Sở Tư pháp	Lãnh đạo phòng Sở Xây dựng	1/2 ngày
	- Chuyển chuyên viên của Sở Tư pháp xử lý	Sở Tư pháp	07 ngày
	- Sở Tư pháp xem xét có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Xây dựng	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1/2 ngày
	- Tổng hợp ý kiến Sở Tư pháp, xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên Sở Xây dựng	7,5 ngày
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1/2 ngày
<b>Bước 3</b>	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo Sở	1/2 ngày
<b>Bước 4</b>	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản trình UBND tỉnh.	Văn thư Sở	1/2 ngày
<b>Bước 5</b>	Kiểm tra, tiếp nhận văn bản Sở Xây dựng trình	Văn thư VP.UBND tỉnh	1/2 ngày
<b>Bước 6</b>	Phân công cho phòng chuyên môn VP.UBND tỉnh thụ lý	Lãnh đạo VP.UBND tỉnh	1/2 ngày
<b>Bước 7</b>	Phòng chuyên môn VP.UBND tỉnh kiểm tra, xử lý; trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký, ban hành	Phòng chuyên môn VP.UBND tỉnh	08 ngày
<b>Bước 8</b>	Kiểm tra, ký duyệt kết quả	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày
<b>Bước 9</b>	Phát hành văn bản, chuyển kết quả cho Sở Xây dựng	Văn thư UBND tỉnh	1/2 ngày
<b>Bước</b>	Chuyển kết quả từ Sở Xây dựng	Văn thư +Bưu điện	1/2 ngày

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
10	đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		
<b>Bước 11</b>	Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng	1/2 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		30 ngày

**3. Thủ tục Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động): 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian khắc phục các nội dung trong biên bản đánh giá thực tế của Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)**

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
<b>Bước 1</b>	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ. Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng	1/2 ngày
<b>Bước 2</b>	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn Sở phụ trách giải quyết TTHC	
	- Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1/2 ngày
	- Xem xét hồ sơ, soạn thảo văn bản hướng dẫn để bổ sung hoàn thiện hồ sơ (nếu có)	Chuyên viên	05 ngày
	- Tổ chức đoàn đánh giá thực tế tại phòng thí nghiệm	Chuyên viên	10 ngày
	- Soạn thảo văn bản yêu cầu khắc phục hoặc Giấy chứng nhận	Chuyên viên	02 ngày
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1/2 ngày
<b>Bước 3</b>	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo Sở	1/2 ngày
<b>Bước 4</b>	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản. Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày
<b>Bước 5</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng	1/2 ngày

**4. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng): 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ**

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
----	----------	-------------------	---------------------

<b>Bước 1</b>	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ. Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng	1/2 ngày
<b>Bước 2</b>	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn Sở phụ trách giải quyết TTHC	
	- Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	02 ngày
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1/2 ngày
<b>Bước 3</b>	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo Sở	1/2 ngày
<b>Bước 4</b>	Cho số, vào số, phát hành văn bản. Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày
<b>Bước 5</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng	1/2 ngày

**5. Thủ tục Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp): 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ**

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
<b>Bước 1</b>	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ. Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng	1/2 ngày
<b>Bước 2</b>	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn Sở phụ trách giải quyết TTHC	
	- Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	02 ngày
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1/2 ngày
<b>Bước 3</b>	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành.	Lãnh đạo Sở	1/2 ngày

	- Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.		
<b>Bước 4</b>	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản. Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày
<b>Bước 5</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng	1/2 ngày

**6. Thủ tục Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng): 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian khắc phục của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)**

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
<b>Bước 1</b>	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ. Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng	1/2 ngày
<b>Bước 2</b>	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn Sở phụ trách giải quyết TTHC	
	- Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1/2 ngày
	- Xem xét hồ sơ, soạn thảo văn bản hướng dẫn để bổ sung hoàn thiện hồ sơ (nếu có)	Chuyên viên	05 ngày
	- Tổ chức đoàn đánh giá thực tế tại phòng thí nghiệm	Chuyên viên	10 ngày
	- Soạn thảo văn bản yêu cầu khắc phục hoặc Giấy chứng nhận	Chuyên viên	02 ngày
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1/2 ngày
<b>Bước 3</b>	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo Sở	1/2 ngày
<b>Bước 4</b>	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản. Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày
<b>Bước 5</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng	1/2 ngày

**7. Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án không sử dụng nguồn vốn hoặc hình thức quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 6 Điều 99 của Luật PPP số 64/2020/QH14 trên phạm vi địa bàn**

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian
----	----------	-------------------	-----------

			<b>thực hiện</b>
<b>Bước 1</b>	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ. - Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng	1/2 ngày
<b>Bước 2</b>	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn phụ trách giải quyết TTHC	
	- Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	17 ngày
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1/2 ngày
<b>Bước 3</b>	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo Sở	01 ngày
<b>Bước 4</b>	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản. Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân và thu phí, lệ phí (nếu có).	Văn thư + Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng	1/2 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		30 ngày

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:1185 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 11 tháng 9 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Trang thiết bị và công trình y tế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định 2962/QĐ-BYT ngày 24/7/2023 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực Trang thiết bị và công trình y tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ và Thông tư số 10/2023/TT-BYT ngày 11/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 61/TTr-SYT ngày 09/8/2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 01 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Trang thiết bị và công trình y tế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế (đã được ban hành tại Quyết định số 1912/QĐ-UBND ngày 28/12/2021).

**Điều 2.** Sở Y tế có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); nghiêm ý, công khai các thủ tục hành chính này tại đơn vị và trên Trang thông tin điện tử của Sở Y tế; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đào Mỹ**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC TRANG THIẾT BỊ VÀ CÔNG TRÌNH Y TẾ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1185 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

**1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung**

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực trang thiết bị và công trình y tế</b>						
2	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B	01 ngày	Hồ sơ nộp trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia	Phí thẩm định công bố trang thiết bị loại A: 1.000.000đồng/1 hồ sơ Phí thẩm định công bố trang thiết bị loại B: 3.000.000đồng/1 hồ sơ	Thông tư số 10/2023/TT-BYT ngày 11/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung Thông tư 19/2021/TT-BYT ngày 16/11/2021 của Bộ Y tế quy định mẫu văn bản, báo cáo thực hiện Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế.	Những nội dung còn lại của thủ tục thực hiện theo QĐ 2962/QĐ-BYT ngày 24/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế



**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH PHÚ YÊN**  
Số:1192 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Phú Yên, ngày 11 tháng 9 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ, lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ Phú Yên**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1668/QĐ-BKHCN ngày 01/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Quyết định số 1915/QĐ-BKHCN ngày 28/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 55/TTr-SKHCN ngày 06/9/2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ, lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ Phú Yên (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

- Cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính

này tại đơn vị và trên Trang thông tin điện tử của Sở Y tế; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đào Mỹ**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC  
HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ; SỬA ĐỔI BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC  
NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN THUỘC THẨM QUYỀN  
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÚ YÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1192/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH: 04 TTHC**

*(Quyết định số 1668/QĐ -BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ</b>						
1	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua đường bưu chính; - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên.	Không có	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	
2	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua	Không có	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi	

	công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu		đường bưu chính; - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên.		hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.	
3	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua đường bưu chính; - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên.	Không có	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.	
4	Thủ tục hỗ trợ kinh phí	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung	Không có	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày	

hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực.	được hồ sơ;	tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua đường bưu chính; - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên.		19/6/2017. - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.	
---	-------------	--	--	---	--

**II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG: 07 TTHC**

(Quyết định số 1915/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân</b>						
1	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ khai báo.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên. (206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên) - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008. - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức	

			( <a href="http://dichvucong.phuyen.gov.vn">http://dichvucong.phuyen.gov.vn</a> )		<p>thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.</p> <p>- Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành.</p>
2	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí.	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên. (206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên)</p> <p>- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên</p>	<p>- Phí thẩm định cấp giấy phép: + Sử dụng thiết bị X-quang chụp răng: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang chụp vú:</p>	<p>- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008.</p> <p>- Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.</p> <p>- Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức</p>

		<p>(<a href="http://dichvucong.phuyen.gov.vn">http://dichvucong.phuyen.gov.vn</a> )</p>	<p>2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang di động: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán thông thường: 3.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị đo mật độ xương: 3.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang tăng sóng truyền hình: 5.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner): 8.000.000 đồng/ 1 thiết bị. + Sử dụng hệ thiết bị</p>	<p>thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành.</p>	
--	--	---	--	--	--

				<p>PET/CT: 16.000.00 0 đồng/1 thiết bị. - Lệ phí cấp giấy phép: Không.</p>	
3	<p>Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế</p>	<p>25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí.</p>	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên. (206A <i>Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên</i>) - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên (<a href="http://dichvucong.phuyen.gov.vn">http://dichvucong.phuyen.gov.vn</a>)</p>	<p>- Phí thẩm định cấp giấy phép: 75% phí thẩm định cấp giấy phép mới. - Lệ phí cấp giấy phép: Không.</p>	<p>- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008. - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ- CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 13/2023/TT- BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công</p>



					nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành.
4	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí (nếu có).	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên. (206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên) - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên ( <a href="http://dichvucong.phuyen.gov.vn">http://dichvucong.phuyen.gov.vn</a> )	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008. - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ bãi bỏ một số

					văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành.
5	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí (nếu có)	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên. (206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên) - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên ( <a href="http://dichvucong.phuyen.gov.vn">http://dichvucong.phuyen.gov.vn</a> )	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008. - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 02/2022/TT-BKHHCN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 13/2023/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm

					pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành.	
6	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí (nếu có).	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên. (206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên)</p> <p>- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên (<a href="http://dichvucong.phuyen.gov.vn">http://dichvucong.phuyen.gov.vn</a>)</p>	Không	<p>- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008.</p> <p>- Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.</p> <p>- Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BKH-CN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.</p> <p>- Thông tư số 13/2023/TT-BKH-CN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ</p>	

					trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành.	
7	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí theo quy định.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên. (206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên) - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên ( <a href="http://dichvucong.phuyen.gov.vn">http://dichvucong.phuyen.gov.vn</a> )	- Phí: Không. - Lệ phí: 200.000 đồng/1 chứng chỉ.	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008. - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 02/2022/TT-BKHHCN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 13/2023/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học	

					và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành.	
--	--	--	--	--	--	--

**III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ: 03 TTHC**

(Quyết định số 1668/QĐ-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

ST T	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Ghi chú
	<b>Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ</b>		
1	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Số hồ sơ TTHC: 1.002935
2	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu		Số hồ sơ TTHC: 2.001164
3	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến		Số hồ sơ TTHC: 2.001148

**QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHỈNH SỬA, ĐỔI BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÚ YÊN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số:1192 /QĐ-UBND ngày 11/9 /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

**I. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ: 04 TTHC**

**1. Thủ tục: Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu**

- Thời hạn giải quyết: **25 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Quy trình nội bộ

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	<b>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ TTHC</b> - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có); - Số hóa hồ sơ, cập nhật trên Cổng dịch vụ công và trình Lãnh đạo Sở phụ trách	- Công chức Sở KH&CN được giao nhiệm vụ;	03 ngày làm việc
Bước 2	<b>Giải quyết hồ sơ TTHC</b> - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn nghiệp vụ; - Tham mưu thành lập Hội đồng, tổ chức họp hội đồng đánh giá hồ sơ;	- Lãnh đạo Sở phụ trách - Phòng Quản lý khoa học và công nghệ; - Hội đồng đánh giá hồ sơ.	15 ngày làm việc
Bước 3	- Ban hành Quyết định công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu.	- Lãnh đạo Sở phụ trách - Phòng Quản lý khoa học và công nghệ;	6,5 ngày làm việc
Bước 4	<b>Trả kết quả giải quyết TTHC</b> Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí	- Văn thư Sở;	0,5 ngày làm việc
	<b>Tổng thời gian giải quyết</b>		<b>25 ngày làm việc</b>

**2. Thủ tục: Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu**

- Thời hạn giải quyết: **25 ngày làm việc**
- Quy trình nội bộ

Thứ tự công	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
-------------	--------------------	-----------------------------	---------------------

việc			
Bước 1	<b>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ TTHC</b> - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có); - Số hóa hồ sơ, cập nhật trên Cổng dịch vụ công và trình Lãnh đạo Sở phụ trách	- Công chức Sở KH&CN được giao nhiệm vụ;	03 ngày làm việc
Bước 2	<b>Giải quyết hồ sơ TTHC</b> - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn nghiệp vụ; - Thành lập Hội đồng, tổ chức họp hội đồng đánh giá hồ sơ;	- Lãnh đạo Sở phụ trách; - Phòng Quản lý khoa học và công nghệ; - Hội đồng đánh giá hồ sơ.	15 ngày làm việc
Bước 3	- Ban hành thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	- Lãnh đạo Sở phụ trách - Phòng Quản lý khoa học và công nghệ;	6,5 ngày làm việc
Bước 4	<b>Trả kết quả giải quyết TTHC</b> Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí	- Văn thư Sở;	0,5 ngày làm việc
	<b>Tổng thời gian giải quyết</b>		<b>25 ngày làm việc</b>

**3. Thủ tục: Mua sáng chế, sáng kiến**

\* Thời hạn giải quyết: **25 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ;

\* Quy trình nội bộ

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	<b>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ TTHC</b> - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có); - Số hóa hồ sơ, cập nhật trên Cổng dịch vụ công và trình Lãnh đạo Sở phụ trách	- Công chức Sở KH&CN được giao nhiệm vụ;	03 ngày làm việc
Bước 2	<b>Giải quyết hồ sơ TTHC</b> - Chuyển hồ sơ cho Phòng	- Lãnh đạo Sở phụ trách;	15 ngày làm việc

	chuyên môn nghiệp vụ; - Thành lập Hội đồng, tổ chức họp hội đồng đánh giá hồ sơ;	- Phòng Quản lý khoa học và công nghệ; - Hội đồng đánh giá hồ sơ.	
Bước 3	- Ban hành thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đề nghị mua sáng chế, sáng kiến	- Lãnh đạo Sở phụ trách - Phòng Quản lý khoa học và công nghệ;	6,5 ngày làm việc
Bước 4	<b>Trả kết quả giải quyết TTHC</b> Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí	- Văn thư Sở;	0,5 ngày làm việc
<b>Tổng thời gian giải quyết</b>			<b>25 ngày làm việc</b>

**4. Thủ tục: Hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực**

\* Thời hạn giải quyết: **25 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ;

\* Quy trình nội bộ

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	<b>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ TTHC</b> - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có); - Số hóa hồ sơ, cập nhật trên Công dịch vụ công và trình Lãnh đạo Sở phụ trách	- Công chức Sở KH&CN được giao nhiệm vụ;	03 ngày làm việc
Bước 2	<b>Giải quyết hồ sơ TTHC</b> - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn nghiệp vụ; - Thành lập Hội đồng, tổ chức họp hội đồng đánh giá hồ sơ;	- Lãnh đạo Sở phụ trách; - Phòng Quản lý khoa học và công nghệ; - Hội đồng đánh giá hồ sơ.	15 ngày làm việc
Bước 3	- Ban hành thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực.	- Lãnh đạo Sở phụ trách - Phòng Quản lý khoa học và công nghệ;	6,5 ngày làm việc
Bước 4	<b>Trả kết quả giải quyết TTHC</b> Trả kết quả giải quyết thủ tục	- Văn thư Sở;	0,5 ngày làm việc



	hành chính cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí		
	<b>Tổng thời gian giải quyết</b>		<b>25 ngày làm việc</b>

**II. LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN**

**1. Thủ tục: Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế**

\* Thời hạn giải quyết: **05 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ khai báo;

\* Quy trình nội bộ

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	<b>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ TTHC</b> - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; tiếp nhận phiếu khai báo; - Số hóa hồ sơ, cập nhật trên Cổng dịch vụ công và trình Lãnh đạo Sở phụ trách	- Công chức Sở KH&CN được giao nhiệm vụ;	0,5 ngày làm việc
Bước 2	<b>Giải quyết hồ sơ TTHC</b> - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn nghiệp vụ; - Tổ chức thẩm định hồ sơ, đề nghị chỉnh sửa, bổ sung thông tin phiếu khai báo (nếu có); - Cấp Giấy xác nhận khai báo.	- Lãnh đạo Sở phụ trách; - Phòng Quản lý khoa học và công nghệ;	04 ngày làm việc
Bước 4	<b>Trả kết quả giải quyết TTHC</b> Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí	- Văn thư Sở;	0,5 ngày làm việc
	<b>Tổng thời gian giải quyết</b>		<b>05 ngày làm việc</b>

**2. Thủ tục: Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế**

\* Thời hạn giải quyết: **25 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí;

\* Quy trình nội bộ

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	<b>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ TTHC</b> - Kiểm tra, hướng dẫn, hồ sơ; - Yêu cầu thanh toán phí/lệ phí (nếu có); tiếp nhận hồ sơ; - Số hóa hồ sơ, cập nhật trên Cổng dịch vụ công và trình Lãnh đạo Sở phụ trách - Trình hồ sơ cho Lãnh đạo Sở phụ trách;	- Công chức Sở KH&CN được giao nhiệm vụ;	0,5 ngày làm việc

Bước 2	<p><b>Giải quyết hồ sơ TTHC</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn nghiệp vụ;</li> <li>- Phòng chuyên môn nghiệp vụ xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ:</li> <li>+ Nếu hồ sơ hợp lệ: thông báo bằng văn bản mức phí;</li> <li>+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: thông báo bằng văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ;</li> <li>- Tổ chức thẩm định hồ sơ; và cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị X - quang chẩn đoán trong y tế</li> <li>- Trường hợp không cấp giấy phép, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo Sở phụ trách;</li> <li>- Phòng Quản lý khoa học và công nghệ;</li> </ul>	24 ngày làm việc
Bước 4	<p><b>Trả kết quả giải quyết TTHC</b></p> <p>Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân/tổ chức.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn thư Sở;</li> </ul>	0,5 ngày làm việc
<b>Tổng thời gian giải quyết</b>			<b>25 ngày làm việc</b>

**3. Thủ tục: Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế**

\* Thời hạn giải quyết: **25 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí;

\* Quy trình nội bộ

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	<p><b>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ TTHC</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra, hướng dẫn, hồ sơ;</li> <li>- Yêu cầu thanh toán phí/lệ phí (nếu có); tiếp nhận hồ sơ;</li> <li>- Số hóa hồ sơ, cập nhật trên Công dịch vụ công và trình Lãnh đạo Sở phụ trách</li> <li>- Trình hồ sơ cho Lãnh đạo Sở phụ trách;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công chức Sở KH&amp;CN được giao nhiệm vụ;</li> </ul>	0,5 ngày làm việc
Bước 2	<p><b>Giải quyết hồ sơ TTHC</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn nghiệp vụ;</li> <li>- Phòng chuyên môn nghiệp vụ xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ:</li> <li>+ Nếu hồ sơ hợp lệ: thông báo bằng văn bản mức phí;</li> <li>+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: thông báo bằng văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo Sở phụ trách;</li> <li>- Phòng Quản lý khoa học và công nghệ;</li> </ul>	24 ngày làm việc

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức thẩm định hồ sơ ; và cấp gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị X - quang chẩn đoán trong y tế</li> <li>- Trường hợp không cấp gia hạn giấy phép, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</li> </ul>		
Bước 3	<b>Trả kết quả giải quyết TTHC</b> Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân/tổ chức.	- Văn thư Sở;	0,5 ngày làm việc
<b>Tổng thời gian giải quyết</b>			<b>25 ngày làm việc</b>

**4. Thủ tục: Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế**

\* Thời hạn giải quyết: **10 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí;

\* Quy trình nội bộ

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	<b>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ TTHC</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra, hướng dẫn hồ sơ;</li> <li>- Yêu cầu thanh toán phí/lệ phí (nếu có); tiếp nhận hồ sơ;</li> <li>- Số hóa hồ sơ, cập nhật trên Công dịch vụ công và trình Lãnh đạo Sở phụ trách</li> <li>- Trình hồ sơ cho Lãnh đạo Sở phụ trách;</li> </ul>	- Công chức Sở KH&CN được giao nhiệm vụ;	0,5 ngày làm việc
Bước 2	<b>Giải quyết hồ sơ TTHC</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn nghiệp vụ;</li> <li>- Phòng chuyên môn nghiệp vụ xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ:  <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nếu hồ sơ hợp lệ: tổ chức thẩm định hồ sơ và cấp sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X - quang chẩn đoán trong y tế);</li> <li>+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: thông báo bằng văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ;</li> </ul> </li> <li>- Trường hợp không cấp sửa đổi giấy phép, Sở Khoa học và Công nghệ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</li> </ul>	- Lãnh đạo Sở phụ trách; - Phòng Quản lý khoa học và công nghệ;	09 ngày làm việc
Bước 3	<b>Trả kết quả giải quyết TTHC</b> Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân/tổ chức.	- Văn thư Sở;	0,5 ngày làm việc

	<b>Tổng thời gian giải quyết</b>		<b>10 ngày làm việc</b>
<b>5. Thủ tục: Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế</b>			
* Thời hạn giải quyết: <b>25 ngày làm việc</b> kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí;			
* Quy trình nội bộ			
<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm xử lý công việc</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
Bước 1	<b>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ TTHC</b> - Kiểm tra, hướng dẫn hồ sơ; - Yêu cầu thanh toán phí/lệ phí (nếu có); tiếp nhận hồ sơ; - Số hóa hồ sơ, cập nhật trên Cổng dịch vụ công và trình Lãnh đạo Sở phụ trách - Trình hồ sơ cho Lãnh đạo Sở phụ trách;	- Công chức Sở KH&CN được giao nhiệm vụ;	0,5 ngày làm việc
Bước 2	<b>Giải quyết hồ sơ TTHC</b> - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn nghiệp vụ; - Phòng chuyên môn nghiệp vụ xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: + Nếu hồ sơ hợp lệ : tổ chức thẩm định hồ sơ và cấp bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X - quang chẩn đoán trong y tế); + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: thông báo bằng văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ; - Trường hợp không cấp bổ sung giấy phép, Sở Khoa học và Công nghệ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	- Lãnh đạo Sở phụ trách; - Phòng Quản lý khoa học và công nghệ;	24 ngày làm việc
Bước 3	<b>Trả kết quả giải quyết TTHC</b> Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân/tổ chức.	- Văn thư Sở;	0,5 ngày làm việc
	<b>Tổng thời gian giải quyết</b>		<b>25 ngày làm việc</b>

**6. Thủ tục: Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế**

\* Thời hạn giải quyết: **10 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí;

\* Quy trình nội bộ

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm xử lý công việc</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
Bước 1	<b>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ TTHC</b> - Kiểm tra, hướng dẫn, hồ sơ;	- Công chức Sở KH&CN được giao nhiệm vụ;	0,5 ngày làm việc

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu thanh toán phí/lệ phí (nếu có); tiếp nhận hồ sơ;</li> <li>- Số hóa hồ sơ, cập nhật trên Cổng dịch vụ công và trình Lãnh đạo Sở phụ trách</li> <li>- Trình hồ sơ cho Lãnh đạo Sở phụ trách;</li> </ul>		
Bước 2	<p><b>Giải quyết hồ sơ TTHC</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn nghiệp vụ;</li> <li>- Phòng chuyên môn nghiệp vụ xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nếu hồ sơ hợp lệ : tổ chức thẩm định hồ sơ và cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X - quang chẩn đoán trong y tế);</li> <li>+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: thông báo bằng văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ;</li> <li>- Trường hợp không đồng ý cấp lại giấy phép , Sở Khoa học và Công nghệ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo Sở phụ trách;</li> <li>- Phòng Quản lý khoa học và công nghệ;</li> </ul>	09 ngày làm việc
Bước 3	<p><b>Trả kết quả giải quyết TTHC</b></p> <p>Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân/tổ chức.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn thư Sở;</li> </ul>	0,5 ngày làm việc
	<b>Tổng thời gian giải quyết</b>		<b>10 ngày làm việc</b>

**7. Thủ tục: Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)**

\* Thời hạn giải quyết: **10 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí;

\* Quy trình nội bộ

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	<p><b>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ TTHC</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra, hướng dẫn, hồ sơ;</li> <li>- Yêu cầu thanh toán phí/lệ phí (nếu có); tiếp nhận hồ sơ;</li> <li>- Số hóa hồ sơ, cập nhật trên Cổng dịch vụ công và trình Lãnh đạo Sở phụ trách</li> <li>- Trình hồ sơ cho Lãnh đạo Sở phụ trách;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công chức Sở KH&amp;CN được giao nhiệm vụ;</li> </ul>	0,5 ngày làm việc
Bước 2	<p><b>Giải quyết hồ sơ TTHC</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn nghiệp vụ;</li> <li>- Phòng chuyên môn nghiệp vụ xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo Sở phụ trách;</li> <li>- Phòng Quản lý khoa học và công nghệ;</li> </ul>	09 ngày làm việc

	<p>hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nếu hồ sơ hợp lệ: thông báo bằng văn bản mức phí;</li> <li>+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: thông báo bằng văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ;</li> <li>- Tổ chức thẩm định hồ sơ và cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán y tế;</li> <li>- Trường hợp không cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ, Sở Khoa học và Công nghệ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</li> </ul>		
Bước 3	<p><b>Trả kết quả giải quyết TTHC</b>          Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân/tổ chức.</p>	- Văn thư Sở;	0,5 ngày làm việc
	<b>Tổng thời gian giải quyết</b>		<b>10 ngày làm việc</b>

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1202 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 12 tháng 9 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ Phú Yên**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1564/QĐ-BKH-CN ngày 21/7/2023 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số /TTr-SKH-CN ngày 30/8/2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết 03 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ Phú Yên (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

- Cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại đơn vị và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đào Mỹ**



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÚ YÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1202 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ</b>						
1	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Hồ sơ đăng ký được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính về tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh. - Hồ sơ đăng ký trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Hồ sơ đăng ký phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf), sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo	Không	- Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013. - Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ. - Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ. - Thông tư số 11/2023/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thu thập, đăng ký, lưu	Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 1564/QĐ-BKHHCN ngày 21/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

			<p>tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), được ký số hoặc số hóa từ bản giấy, bảo đảm tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác các nội dung theo bản giấy.</p>		<p>giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 10/2017/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.</p>
2	<p>Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.</p>	<p>05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>- Hồ sơ đăng ký được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh. - Hồ sơ đăng ký trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh . Hồ sơ đăng ký phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf), sử dụng phông chữ tiếng</p>	<p>Khô ng</p>	<p>- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013. - Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ. - Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ. - Thông tư số 11/2023/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công</p>

			Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), được ký số hoặc số hóa từ bản giấy, bảo đảm tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác các nội dung theo bản giấy.		nghệ quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 10/2017/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.
3	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ đăng ký được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính về Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh.</li> <li>- Hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Hồ sơ đăng ký phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf), sử</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;</li> <li>- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;</li> <li>- Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.</li> <li>- Thông tư số 11/2023/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014</li> </ul>

			dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), được ký số hoặc số hóa từ bản giấy, bảo đảm tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác các nội dung theo bản giấy.		của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.	
--	--	--	--	--	---	--

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC  
HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA  
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÚ YÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1202 /QĐ-UBND ngày 12 /9 /2023  
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)*

**LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**1. Thủ tục: Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.**

- Thời hạn giải quyết: **05 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	<b>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ TTHC</b> - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; - Số hóa hồ sơ, cập nhật trên Cổng dịch vụ công và trình Lãnh đạo Sở phụ trách	- Công chức Sở KH&CN được giao nhiệm vụ;	0,5 ngày làm việc
Bước 2	<b>Giải quyết hồ sơ TTHC</b> - Chuyển hồ sơ cho Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh - Thẩm định hồ sơ, hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính trình phê duyệt - Phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính	- Lãnh đạo Sở phụ trách - Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh	04 ngày làm việc
Bước 3	<b>Trả kết quả giải quyết TTHC</b> Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí	- Văn thư Sở;	0,5 ngày làm việc
	<b>Tổng thời gian giải quyết</b>		<b>05 ngày làm việc</b>

**2. Thủ tục: Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước**

- Thời hạn giải quyết: **05 ngày làm việc**

- Quy trình nội bộ

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	<b>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ TTHC</b> - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức	- Công chức Sở KH&CN được giao nhiệm vụ;	0,5 ngày làm việc

	<p>chức;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ;</li> <li>- Số hóa hồ sơ, cập nhật trên Cổng dịch vụ công và trình Lãnh đạo Sở phụ trách</li> </ul>		
Bước 2	<p><b>Giải quyết hồ sơ TTHC</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển hồ sơ cho Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh</li> <li>- Thẩm định hồ sơ, hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính trình phê duyệt</li> <li>- Phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo Sở phụ trách;</li> <li>- Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh;</li> </ul>	04 ngày làm việc
Bước 3	<p><b>Trả kết quả giải quyết TTHC</b></p> <p>Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn thư Sở;</li> </ul>	0,5 ngày làm việc
	<b>Tổng thời gian giải quyết</b>		<b>05 ngày làm việc</b>

**3. Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.**

\* Thời hạn giải quyết: **05 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ;

\* Quy trình nội bộ

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	<p><b>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ TTHC</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức;</li> <li>- Xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ;</li> <li>- Số hóa hồ sơ, cập nhật trên Cổng dịch vụ công và trình Lãnh đạo Sở phụ trách</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công chức Sở KH&amp;CN được giao nhiệm vụ;</li> </ul>	0,5 ngày làm việc
Bước 2	<p><b>Giải quyết hồ sơ TTHC</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển hồ sơ cho Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh</li> <li>- Thẩm định hồ sơ, hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính trình phê duyệt</li> <li>- Phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo Sở phụ trách;</li> <li>- Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh;</li> </ul>	04 ngày làm việc
Bước 3	<p><b>Trả kết quả giải quyết TTHC</b></p> <p>Trả kết quả giải quyết thủ tục hành</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn thư Sở;</li> </ul>	0,5 ngày làm việc

	chính cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí		
	<b>Tổng thời gian giải quyết</b>		<b>05 ngày làm việc</b>

---

---

**VĂN PHÒNG UBND TỈNH PHÚ YÊN XUẤT BẢN**

Địa chỉ: 07 Độc Lập, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;

Điện thoại: 057.3828747;

Fax: 057.3824842;

Email: [congbao@phuyen.gov.vn](mailto:congbao@phuyen.gov.vn);

Website: <http://congbao.phuyen.gov.vn>;

In tại: Trung tâm Truyền thông.